

BÁO CÁO CHÍNH TRỊ
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH KHOÁ XVI
TẠI ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH LẦN THỨ XVII

Phần thứ nhất
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ TỈNH LẦN THỨ XVI

Năm năm qua, sự nghiệp đổi mới đất nước do Đảng ta lãnh đạo đã giành được nhiều thành tựu to lớn, kinh tế tiếp tục phát triển, chính trị - xã hội ổn định. Trung ương đã có nhiều chủ trương, chính sách tạo thuận lợi cho khu vực miền Trung và tỉnh nhà phát triển. Truyền thống cách mạng, tinh thần đoàn kết, tự lực, tự cường của Đảng bộ, quân và dân trong tỉnh tiếp tục phát huy... Bên cạnh những thuận lợi, tỉnh ta cũng gặp nhiều khó khăn: điểm xuất phát của nền kinh tế thấp, các nguồn lực cho tăng trưởng kinh tế còn hạn chế, lại cách xa các trung tâm kinh tế, thương mại lớn và thường xuyên bị ảnh hưởng thiên tai; năng lực lãnh đạo, quản lý và tổ chức thực hiện của đội ngũ cán bộ các cấp chưa theo kịp yêu cầu nhiệm vụ trong thời kỳ mới; việc chậm xây dựng Nhà máy lọc dầu số 1 Dung Quất có phần ảnh hưởng đến kế hoạch phát triển kinh tế của tỉnh.

Trong hoàn cảnh đó, Đảng bộ, quân và dân trong tỉnh đã ra sức thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI đạt những kết quả quan trọng.

I. Năm năm qua, nền kinh tế của tỉnh tiếp tục phát triển theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, bước đầu đạt được một số thành tựu quan trọng, tạo tiền đề đẩy nhanh tốc độ phát triển trong những năm đến.

1. ***Kinh tế tăng trưởng với nhịp độ khá cao, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, đạt và vượt chỉ tiêu Nghị quyết đề ra.*** Tổng sản phẩm trong tỉnh (GDP) tăng bình quân hằng năm 10,3%, GDP bình quân đầu người đạt khoảng 325USD. Giá trị sản xuất ngành nông, lâm, ngư nghiệp tăng bình quân 6,9%/năm; công nghiệp - xây dựng tăng 18,3%/năm; dịch vụ tăng 10%/năm. Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng tăng từ 21,58% lên 30%; dịch vụ giảm từ 36,5% còn 35,2% (NQ 34 - 35%); nông, lâm, ngư nghiệp giảm từ 41,9% xuống còn 34,8% năm 2005. Đến năm 2005, tỷ trọng lao động nông nghiệp 67,48%, công nghiệp - xây dựng 12,69%, dịch vụ 19,83%.

2. Nông nghiệp tăng trưởng ổn định, bảo đảm nhu cầu lương thực, từng bước hình thành vùng nguyên liệu phục vụ công nghiệp chế biến; nông thôn có nhiều đổi mới. Giá trị sản xuất nông nghiệp tăng bình quân 5,8%/năm; cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng chăn nuôi từ 24,5% năm 2000 lên 30% năm 2005, đạt chỉ tiêu Nghị quyết, giảm tỷ trọng trồng trọt từ 70,3% năm 2000 xuống còn 66,1% vào năm 2005. Đã thực hiện vượt chỉ tiêu Nghị quyết của Tỉnh uỷ về chuyển đổi sản xuất lúa từ 03 vụ sang 02 vụ/năm với năng suất bình quân 59,4 tạ/ha/vụ, tăng 11,3% so với năng suất lúa 03 vụ/năm. Sản lượng lương thực năm 2005 đạt trên 400.000 tấn, vượt chỉ tiêu Nghị quyết. Giá trị sản xuất thu được 1 ha/năm tăng từ 13,3 triệu đồng năm 2000 lên 18,1 triệu đồng vào năm 2005. Thực hiện một trong những khâu đột phá về kinh tế, tỉnh đã tập trung xây dựng, điều chỉnh quy hoạch, đầu tư, hỗ trợ phát triển, hình thành một số vùng cây nguyên liệu theo hướng tập trung, chuyên canh phục vụ công nghiệp chế biến. Diện tích, sản lượng các loại cây mì, điều, cao su đọt và xấp xỉ đạt chỉ tiêu Nghị quyết, đồng thời tích cực hạn chế xu hướng giảm diện tích cây mía.

Tuy dịch bệnh thường xuyên xảy ra, nhưng số lượng và chất lượng đàn gia súc, gia cầm đều tăng. Bình quân hằng năm, đàn bò tăng 1,7%, tỷ lệ bò lai trên tổng đàn năm 2005 là 30%, đàn trâu tăng 2,1%, đàn lợn tăng 7,4%, gia cầm các loại tăng 6,2%. Mô hình trồng cỏ nuôi bò đang được phát triển.

Lâm nghiệp có một số mặt chuyển biến tích cực. Giá trị sản xuất tăng bình quân 5,5%/năm. Đến năm 2005 đã trồng được 32.181 ha rừng, trong đó rừng sản xuất đạt 16.600 ha, chủ yếu là rừng nguyên liệu phục vụ cho công nghiệp chế biến; khoanh nuôi tái sinh 16.325 ha; quản lý bảo vệ 95.479 ha, nâng độ che phủ của rừng từ 25,5% lên 34,5%, xấp xỉ đạt chỉ tiêu Nghị quyết.

Lĩnh vực thủy sản đã đạt những kết quả nhất định. Giá trị sản xuất thủy sản tăng bình quân 10%/năm. Cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất thủy sản bước đầu được đầu tư, xây dựng. Tỉnh đã chú trọng chỉ đạo phát triển tàu đánh bắt xa bờ nhằm nâng cao năng lực đánh bắt thủy sản và góp phần bảo đảm quốc phòng - an ninh trên biển. Trong 5 năm, số lượng tàu thuyền tăng 1.344 chiếc, đến năm 2005 toàn tỉnh có 4.279 chiếc; công suất bình quân tăng từ 37CV/chiếc lên 58 CV/chiếc. Sản lượng khai thác thủy sản tăng bình quân hàng năm 5,7%, vượt chỉ tiêu Nghị quyết. Sản lượng nuôi trồng thủy sản liên tục tăng, riêng sản lượng tôm nuôi năm 2005 đạt 3.005 tấn, vượt chỉ tiêu Nghị quyết; mô hình nuôi tôm trên cát và thủy sản nước ngọt ở một số huyện có chiều hướng phát triển, góp phần tăng sản lượng và giá trị thủy sản. Đã hình thành một số doanh nghiệp tư nhân chế biến sản phẩm thủy sản tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

Kinh tế trang trại đã hình thành và phát triển. Hiện toàn tỉnh đã có trên 400 trang trại với quy mô vừa và nhỏ, thu nhập bình quân một trang trại

khoảng 50 triệu đồng/năm, trong đó một số trang trại có mức thu nhập từ 100 đến 200 triệu đồng. Kinh tế vườn tiếp tục phát triển, góp phần tăng thu nhập cho nhiều hộ nông dân.

Việc triển khai thực hiện các nghị quyết của Tỉnh uỷ về phát triển giao thông nông thôn, miền núi; về kiên cố hoá kênh mương thuỷ lợi và các chương trình phát triển hạ tầng nông thôn như điện, trường học, trạm y tế... đã làm cho *nông thôn có nhiều đổi mới*.

3. Công nghiệp - xây dựng đạt được nhiều tiến bộ, tạo tiền đề quan trọng cho sự phát triển trong thời gian tới. Giá trị sản xuất công nghiệp tăng bình quân 15%/năm, trong đó công nghiệp quốc doanh tăng 12,3%, công nghiệp ngoài quốc doanh tăng 19,3%, công nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tăng 15,5%/năm; góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh theo hướng tích cực.

Tỉnh uỷ đã ban hành Nghị quyết số 11-NQ/TU để đẩy mạnh phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp. Đã tiếp tục đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Quảng Phú và Tịnh Phong, gắn với thu hút đầu tư; phê duyệt quy hoạch 8 cụm công nghiệp ở các địa phương; phối hợp thúc đẩy sự phát triển của Khu công nghiệp Dung Quất. Nhờ đó, các cơ sở sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tăng về số lượng, đa dạng hơn về ngành nghề và sản phẩm. Tính đến nay, trên địa bàn tỉnh (kể cả Khu kinh tế Dung Quất) có trên 100 doanh nghiệp sản xuất công nghiệp, trong đó có nhiều doanh nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản, khai thác tài nguyên....

Nhìn chung, các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh có cải tiến phương thức quản lý, đổi mới thiết bị và công nghệ nên số lượng, chất lượng sản phẩm hàng hoá ngày càng tăng, một số sản phẩm đã khẳng định được thị phần trong nước và tham gia xuất khẩu. Các sản phẩm tăng bình quân hàng năm khá như: đường các loại 4,3%, nước khoáng 5,7%, bia 20,6%, đá xây dựng các loại 26,6%, tinh bột mì 46,4%, thủy sản chế biến 17,5%, sữa 36,9%.

Lĩnh vực xây dựng cơ bản có một số tiến bộ nhất định. Giá trị sản xuất ngành xây dựng tăng bình quân 22,6% năm. Đã thực hiện tốt hơn việc giao kế hoạch, triển khai công tác chuẩn bị thủ tục và phân khai các nguồn vốn đầu tư; tổ chức giao ban định kỳ nhằm thúc đẩy tiến độ thi công một số công trình trọng điểm, khắc phục một bước những khuyết điểm trong quản lý....

4. Quy mô một số ngành dịch vụ được mở rộng, nhịp độ tăng trưởng khá ổn định, chất lượng từng bước được nâng lên. Hoạt động thương mại, dịch vụ ngày càng phát triển, hàng hóa trên thị trường phong phú, đáp ứng nhu cầu của đời sống xã hội. Tổng mức bán hàng hóa và dịch vụ xã hội năm 2005 tăng 69,1% so với năm 2000, tăng bình quân 11,1%/năm. Riêng dịch vụ thương mại phát triển khá, tăng 17%/năm, vượt chỉ tiêu Nghị quyết.

Hoạt động du lịch có chiều hướng phát triển. Đã qui hoạch chi tiết và đầu tư xây dựng hạ tầng khu du lịch Mỹ Khê, Sa Huỳnh, thu hút một số doanh nghiệp tham gia đầu tư vào lĩnh vực du lịch, tạo tiền đề cho phát triển dịch vụ du lịch trong thời gian tới.

Khối lượng vận tải hàng hóa tăng 12,4%, hành khách tăng 10,2%/năm, khối lượng hàng hoá qua cảng biển tăng nhanh. Các dịch vụ về bưu chính - viễn thông, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm được mở rộng, nâng cao về chất lượng, đáp ứng nhu cầu phát triển sản xuất kinh doanh của các thành phần kinh tế và đời sống của nhân dân.

5. Công tác quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường có một số tiến bộ. Đã ban hành nhiều văn bản liên quan đến quản lý và bảo vệ môi trường, khai thác tài nguyên, khoáng sản; nâng cao nhận thức cho cán bộ và nhân dân về bảo vệ môi trường; có nhiều cố gắng trong thanh tra, giám sát, phát hiện và xử lý các vụ việc vi phạm gây ô nhiễm môi trường. Công tác quản lý các hoạt động khai thác tài nguyên, khoáng sản có chuyển biến tích cực hơn. Đã nghiên cứu về sạt lở núi, ven sông, ven biển và có giải pháp dự báo, giảm nhẹ thiên tai; nghiên cứu tìm giải pháp bảo vệ đa dạng sinh học....

Công tác lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được tập trung thực hiện. Đến nay, đã quy hoạch sử dụng đất của tỉnh và ở 10 huyện, thành phố; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng các loại đất: nông nghiệp đạt 96,75%, đất ở nông thôn đạt 97,7%, đất ở đô thị đạt 78,8%, đất lâm nghiệp đạt khoảng 43,2%; việc đo đạc, lập bản đồ địa chính đạt kế hoạch hằng năm. Đã ban hành quy định về giá các loại đất tương đối sát với giá thị trường, tạo cơ sở để giải quyết tốt hơn về đất đai và những vấn đề có liên quan đến đất đai trong thời gian tới.

6. Kinh tế đối ngoại có bước phát triển; huy động vốn đầu tư trong nước, trong tỉnh tăng nhanh. Thu, chi ngân sách trên địa bàn đạt kế hoạch đề ra. Hoạt động kinh tế đối ngoại được tăng cường. Đã triển khai Đề án hội nhập kinh tế quốc tế; ban hành nhiều cơ chế, chính sách; chú trọng công tác xúc tiến kêu gọi đầu tư. Xuất khẩu có bước chuyển biến đáng kể, đến năm 2005 kim ngạch xuất khẩu đạt 31 triệu USD, vượt chỉ tiêu Nghị quyết. Đến nay, đã có 07 dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) được cấp phép, tổng vốn đăng ký là 13,74 triệu USD; tranh thủ được một số dự án đầu tư từ nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và các tổ chức phi chính phủ (NGO).

Vốn đầu tư huy động trong nước, trong tỉnh đa dạng hơn. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội trong 5 năm đạt gần 19.289 tỷ đồng, bằng 3,8 lần so với giai đoạn 1996 - 2000.

Thu ngân sách đạt và vượt chỉ tiêu hằng năm, năm 2005 đạt 500/425 tỷ đồng. Các nguồn thu đa dạng hơn, đã tạo được một số nguồn thu mới như thu

từ xuất nhập khẩu, từ quỹ đất.... Chi ngân sách nhà nước được thực hiện công khai, dân chủ hơn, bảo đảm tiết kiệm, chống lãng phí, đáp ứng nhu cầu chi thường xuyên và tăng chi cho đầu tư phát triển kinh tế - xã hội.

7. Kết cấu hạ tầng kinh tế - kỹ thuật có bước phát triển đáng kể, nhất là hạ tầng giao thông, thuỷ lợi, hạ tầng Khu kinh tế Dung Quất và các khu công nghiệp. Đến nay, đã và đang hoàn thành nhiều dự án lớn như: đường Trà Bồng - Trà Phong, 185 km đường quốc lộ, cầu Cộng Hoà, cầu Trà Khúc 2, cầu Sông Vệ, vũng neo đậu tàu thuyền và dịch vụ nghề cá Lý Sơn.... Đã tập trung đầu tư phát triển giao thông nông thôn và miền núi, đến nay 100% tuyến đường từ huyện đến trung tâm các xã đồng bằng được nhựa hoá, cứng hoá, hầu hết các xã miền núi ô tô đến được trung tâm xã; trên 1300 km đường giao thông được đưa vào sử dụng, trong đó nhựa hoá, cứng hoá đường tỉnh 329 km, đường huyện 412 km và đường xã 484 km, cơ bản đạt chỉ tiêu Nghị quyết.

Hệ thống thuỷ lợi tiếp tục được phát triển, nâng cấp. Đã đầu tư xây dựng gần 400 công trình thuỷ lợi các loại, kiên cố hoá 395 km kênh mương, đạt 79% chỉ tiêu Nghị quyết của Tỉnh uỷ. Nhờ đó, diện tích các loại cây trồng được chủ động tưới tiêu ngày càng tăng, góp phần giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai gây ra.

Kết quả thực hiện khâu đột phá về giao thông nông thôn, miền núi và kiên cố hoá kênh mương thuỷ lợi đã tác động rõ nét đến sự phát triển kinh tế nông nghiệp và nông thôn.

Đã cơ bản hoàn thành hệ thống hạ tầng kỹ thuật giai đoạn I của Khu kinh tế Dung Quất gồm: giao thông, điện, nước, thông tin liên lạc, cảng biển... và các hạ tầng xã hội. Kết cấu hạ tầng hai khu công nghiệp của tỉnh tiếp tục được đầu tư xây dựng, là nhân tố quan trọng để thu hút đầu tư. Bước đầu quy hoạch chi tiết, hỗ trợ đầu tư hạ tầng cho 8 cụm công nghiệp ở một số huyện đồng bằng, tạo tiền đề quan trọng cho phát triển công nghiệp-tiểu thủ công nghiệp ở nông thôn.

Hệ thống điện của tỉnh ngày càng hoàn thiện, cơ bản đáp ứng yêu cầu sản xuất và sinh hoạt. Đã xây dựng hoàn thành đường dây 500 KV Plây Cu - Dốc Sỏi; trạm biến áp 220KV Dốc Sỏi và 05 trạm biến áp 110KV ở một số địa phương; đang xây dựng trạm biến áp 500KV Dốc Sỏi. Đến nay, hầu hết các xã, phường, thị trấn trong tỉnh có điện, cơ bản đạt chỉ tiêu Nghị quyết; tỷ lệ số hộ dùng điện ngày càng cao.

Hạ tầng bưu chính - viễn thông tiếp tục được đầu tư mở rộng; số máy điện thoại tăng từ 2,6 máy/100 dân năm 2001 lên gần 10,6 máy/100 dân vào năm 2005, vượt xa chỉ tiêu Nghị quyết.

Đã tập trung đầu tư, nâng cấp kết cấu hạ tầng đô thị thị xã Quảng Ngãi và đã được Chính phủ quyết định thành lập thành phố trực thuộc tỉnh. Cùng với Trung ương, đã và đang xây dựng kết cấu hạ tầng nhằm hình thành thành phố

Vạn Tường trong những năm đến. Kết cấu hạ tầng của một số thị trấn được cải thiện nhiều so với trước.

8. Các vùng kinh tế đã bước đầu phát huy được lợi thế, tiềm năng và sự tác động tương hỗ giữa các vùng.

- *Vùng đô thị và khu công nghiệp*: Thành phố Quảng Ngãi và các thị trấn trong tỉnh cơ bản đã phát huy được lợi thế về vốn, kết cấu hạ tầng để phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ, đạt được mức tăng trưởng khá làm động lực thúc đẩy sự phát triển của các vùng phụ cận. Thành phố Quảng Ngãi đã thể hiện được vai trò là trung tâm chính trị, kinh tế và văn hoá của tỉnh.

Sự phát triển của Khu kinh tế Dung Quất và các khu công nghiệp của tỉnh đã có tác động tích cực đến chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thúc đẩy sự hình thành và phát triển một số vùng nguyên liệu như: mì, điều, cây nguyên liệu giấy và giải quyết việc làm cho gần 19.000 lao động dôi dư ở nông thôn.

Nhìn chung, vùng đô thị và khu công nghiệp đang trở thành động lực mạnh mẽ cho sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- *Vùng đồng bằng, ven biển và hải đảo*: Đã triển khai tương đối đồng bộ 4 khâu đột phá về kinh tế, cơ cấu kinh tế nông nghiệp và nông thôn của vùng đang chuyển dịch theo hướng tích cực. Đã định hình rõ nét hơn các vùng tập trung chuyên canh cây lương thực, cây công nghiệp ngắn ngày, cây rau quả gắn với phát triển chăn nuôi, hình thành các trang trại kinh doanh tổng hợp; khai thác nguồn lợi thuỷ sản... Nhờ đó, đã bảo đảm nhu cầu lương thực và thực phẩm cho toàn tỉnh và cung cấp nguyên liệu phục vụ cho công nghiệp chế biến.

- *Vùng trung du và miền núi*: Đã tập trung triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách để phát huy thế mạnh kinh tế của vùng như: đẩy mạnh khai hoang mở rộng diện tích đất sản xuất nông nghiệp; giao đất, giao rừng gắn với khoanh nuôi, tái sinh và trồng rừng nguyên liệu; quan tâm đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông, thuỷ lợi, điện, dịch vụ thương mại, trường học, trạm y tế, phủ sóng phát thanh, truyền hình, các thiết chế văn hoá... nhằm đẩy mạnh sản xuất, xoá đói giảm nghèo, từng bước cải thiện đời sống của đồng bào các dân tộc thiểu số. Đến nay, tỷ lệ hộ đói, nghèo giảm từ 60 % năm 2001 xuống còn 25%; mặt bằng dân trí, đời sống tinh thần của đồng bào ngày càng nâng lên, các giá trị văn hoá truyền thống tốt đẹp được giữ gìn và phát huy; hầu hết các xã miền núi có đường ô tô về trung tâm xã và có điện, gần 100% xã có trạm y tế, có sử dụng máy điện thoại, 93,3% xã có điểm bưu điện - văn hoá xã, cơ sở trường học được tăng cường, 94,6% số trẻ em trong độ tuổi đến trường được đi học.

9. Khu kinh tế Dung Quất đã có bước phát triển, đóng góp vào sự tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh, tạo tiền đề quan trọng cho sự phát triển trong thời gian tới. Tỉnh uỷ đã có chủ trương chỉ đạo khắc phục tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào Dự án Nhà máy lọc dầu số 1 Dung Quất; chủ động đề nghị với Bộ Chính trị và Chính phủ mô hình tổ chức và hoạt động mới của Khu và đã được Chính phủ quyết định thành lập Khu kinh tế Dung Quất trên cơ sở Khu công nghiệp Dung Quất, đồng thời ban hành quy chế hoạt động với những ưu đãi vượt trội, cùng với việc triển khai xây dựng Nhà máy lọc dầu số 1 Dung Quất, Khu kinh tế Dung Quất đang mở ra một triển vọng phát triển mới chưa từng có cho tỉnh ta và khu vực miền Trung.

Về quy hoạch, đã hoàn thành quy hoạch chi tiết tất cả các khu chức năng gồm: các phân khu công nghiệp, hệ thống cảng, đô thị Vạn Tường; quy hoạch tổng thể môi trường, quy hoạch tổ chức bố trí dân cư....

Về hạ tầng kinh tế - xã hội, đã hoàn thành cơ bản hệ thống hạ tầng giai đoạn I như: hệ thống giao thông, cảng biển, hạ tầng kỹ thuật phân khu công nghiệp, trường đào tạo nghề....

Đến nay, Khu kinh tế Dung Quất đã cấp phép cho 70 dự án với tổng vốn đầu tư khoảng 49.757 tỷ đồng, trong đó có 27 dự án đã đi vào hoạt động.

Tỉnh đã tích cực thực hiện tốt công tác giải phóng mặt bằng, thu hồi trên 2.500 ha đất, di chuyển trên 1.500 hộ dân, 20.000 ngôi mộ, tăng cường quản lý đất đai, bảo đảm quốc phòng, an ninh, đáp ứng yêu cầu phát triển của Khu kinh tế Dung Quất.

10. Hầu hết các thành phần kinh tế tiếp tục được phát triển, nhất là kinh tế tư nhân. Đã cơ bản hoàn thành việc sắp xếp, đổi mới nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh của 36 doanh nghiệp nhà nước theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 3. Các HTX sau chuyển đổi đã định hình được hướng hoạt động, nhưng chỉ có một số HTX kinh doanh dịch vụ có hiệu quả. Doanh nghiệp tư nhân có quy mô vừa và nhỏ tăng nhanh, từ năm 2001 đến nay đã cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho 626 doanh nghiệp, trong đó 312 doanh nghiệp tư nhân; chất lượng sản xuất và dịch vụ từng bước được nâng lên, đã có sự đóng góp đáng kể vào tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và ngân sách nhà nước. Kinh tế hộ phát huy được tính tự chủ và thích ứng dân với kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Tuy nhiên, nền kinh tế phát triển chưa tương xứng với tiềm năng của tỉnh; trình độ phát triển còn kém so với nhiều tỉnh trong khu vực và cả nước, giá trị sản xuất thấp, chất lượng chưa cao, thiếu bền vững.

1. Kinh tế nông nghiệp chưa theo kịp yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp và nông thôn. Cơ cấu kinh tế nông nghiệp và nông thôn chuyển dịch chậm, tỷ trọng chăn nuôi, công nghiệp, tiêu thủ công nghiệp và

dịch vụ còn thấp; chưa hình thành được vùng nguyên liệu tập trung chuyên canh với quy mô lớn; diện tích, sản lượng cây nguyên liệu mía, bông, dâu tằm...không đạt kế hoạch; giá trị bình quân thu được trên 1hec ta còn thấp. Việc ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất và chế biến còn chậm nên năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh của nhiều sản phẩm nông nghiệp chưa cao. Các chính sách về tiêu thụ sản phẩm thông qua hợp đồng chưa được quán triệt và triển khai sâu rộng.... Khâu đột phá về phát triển vùng nguyên liệu ổn định phục vụ công nghiệp chế biến, trọng tâm là nguyên liệu mía thực hiện không đạt yêu cầu. Tình trạng phá rừng còn khá nghiêm trọng. Lĩnh vực thủy sản còn nhiều hạn chế: quy hoạch tổng thể phát triển ngành tiến hành chậm, chưa đồng bộ với các quy hoạch về thủy lợi, điện; các nguồn vốn huy động để đầu tư còn quá thấp; nuôi trồng thủy sản, nhất là nuôi tôm nhiều nơi còn mang tính tự phát, chưa ngăn chặn được tình trạng dịch bệnh, bị thua lỗ; thu mua và chế biến còn nhiều yếu kém.

2. Công nghiệp - xây dựng phát triển chưa tương xứng với tiềm năng của tỉnh, chưa tạo được bước đột phá cho chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Giá trị sản xuất công nghiệp nhỏ bé. Đổi mới công nghệ chậm. Năng lực cạnh tranh của đa số sản phẩm công nghiệp chưa cao, chưa có nhiều sản phẩm chủ lực tham gia vào thị trường trong nước và xuất khẩu. Hạ tầng kỹ thuật cho phát triển công nghiệp còn nhiều hạn chế, chưa thật sự hấp dẫn để thu hút các nhà đầu tư. Tiến độ phát triển các cụm công nghiệp chậm. Việc phát triển các làng nghề và các nghề thủ công truyền thống chưa được quan tâm đúng mức.

Giá trị sản xuất xây dựng thuộc nguồn vốn Nhà nước nhiều năm không đạt kế hoạch. Quản lý quy hoạch và đầu tư xây dựng còn nhiều khuyết điểm: việc giải quyết các thủ tục hành chính trong đầu tư xây dựng chậm, kéo dài; công tác giải phóng mặt bằng, quyết toán vốn đầu tư còn nhiều yếu kém; tiến độ các dự án đầu tư xây dựng nhìn chung rất chậm; một số công trình chất lượng kém, chưa đạt yêu cầu về thẩm mỹ, còn thất thoát làm ảnh hưởng tới hiệu quả của dự án, gây bức xúc trong nhân dân.

3. Dịch vụ thương mại và du lịch còn nhiều hạn chế. Chưa xây dựng được các siêu thị, trung tâm thương mại; hệ thống chợ còn đang trong tình trạng yếu kém. Dịch vụ miền núi phát triển chậm, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Hạ tầng du lịch còn rất yếu kém; sản phẩm du lịch đơn điệu, thiếu hấp dẫn khách du lịch.

4. Quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường có mặt còn buông lỏng. Việc quản lý khai thác, sử dụng tài nguyên chưa được chặt chẽ, còn lãng phí. Tài nguyên rừng bị xâm hại nghiêm trọng. Nhiều cơ sở công nghiệp còn gây ô nhiễm môi trường. Mức độ ô nhiễm môi trường ở đô thị, các khu công nghiệp, nông thôn, vùng ven biển... ngày càng tăng. Nước sạch và vệ sinh môi trường nhiều nơi không bảo đảm. Việc ứng dụng công nghệ tiên tiến để khai

thác, chế biến tài nguyên chưa được quan tâm đúng mức. Ý thức bảo vệ môi trường trong nhân dân còn thấp.

Công tác giao đất, giao rừng và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp, đất để làm trang trại đạt thấp, làm hạn chế đến kết quả phát triển kinh tế lâm nghiệp, kinh tế trang trại và thu nhập của người dân. Việc lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất triển khai chậm, thiếu đồng bộ làm hạn chế hiệu quả sử dụng đất và gây ra một số bức xúc trong xã hội.

5. Khả năng hội nhập kinh tế quốc tế của nền kinh tế tỉnh ta còn yếu; thu hút vốn đầu tư nước ngoài đạt thấp; quản lý thu, chi ngân sách chưa đáp ứng yêu cầu đầu tư phát triển. Sự lạc hậu về công nghệ, hạn hẹp về thị trường, non yếu về quản lý là những thách thức lớn của nền kinh tế tỉnh nhà trong quá trình hội nhập kinh tế thế giới. Chưa thu hút được nhiều dự án có vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài, tỷ trọng nguồn vốn này đạt rất thấp so với chỉ tiêu Nghị quyết. Chưa khai thác triệt để các nguồn thu, nhất là thu từ quỹ đất; chi ngân sách còn dàn trải, thiếu tập trung đầu tư nhằm đẩy nhanh hơn nữa tốc độ chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

6. Kết cấu hạ tầng kinh tế - kỹ thuật tuy phát triển nhưng nhìn chung chưa đồng bộ và chưa theo kịp yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Hạ tầng đô thị ở thành phố Quảng Ngãi và các huyện còn nhiều yếu kém. Quy hoạch xây dựng đô thị, khu dân cư, phát triển công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội chất lượng không cao, thiếu tầm nhìn dài hạn. Hệ thống thủy lợi chưa đáp ứng yêu cầu tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp, yêu cầu tưới cho các vùng cây nguyên liệu và nuôi trồng thủy sản. Hệ thống đường dây truyền tải điện ở nông thôn chưa được nâng cấp, gây hao phí điện năng và làm tăng giá thành sản phẩm. Hạ tầng các khu công nghiệp, cụm công nghiệp chưa đủ sức hấp dẫn thu hút các nhà đầu tư.

7. Năng lực sản xuất kinh doanh của các thành phần kinh tế còn yếu, khả năng cạnh tranh thấp. Doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế nhìn chung có quy mô sản xuất nhỏ, công nghệ lạc hậu, sản phẩm cạnh tranh yếu. Phần lớn HTX sau chuyển đổi hoạt động cầm chừng, kém hiệu quả, chưa thể hiện được vai trò cùng với kinh tế nhà nước trở thành nền tảng của nền kinh tế. Kinh tế cá thể, tiểu chủ quy mô sản xuất kinh doanh nhỏ, manh mún.

8. Sự phát triển của Khu kinh tế Dung Quất còn chậm; công tác phối hợp quản lý và thực hiện trách nhiệm của tỉnh còn những hạn chế.

Kết quả đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội mới chỉ là bước đầu, chưa đồng bộ, chưa thực sự hấp dẫn mạnh mẽ các nhà đầu tư. Công tác xúc tiến đầu tư đạt kết quả chưa cao, số lượng dự án được cấp phép đầu tư tương đối nhiều nhưng số dự án đã triển khai và đi vào hoạt động còn quá ít.

Tính chủ động của tỉnh trong việc quan hệ phối hợp phát triển Khu kinh tế Dung Quất chưa đúng mức; công tác quy hoạch, đền bù, giải phóng mặt bằng, lập khu tái định cư ở một số nơi giải quyết chưa được đồng bộ, kịp thời. Đời sống của nhân dân trong khu tái định cư nhìn chung chưa được ổn định, còn nhiều khó khăn.

II. Nhiều mặt của lĩnh vực văn hoá - xã hội tiếp tục phát triển, góp phần cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

1. Cơ sở vật chất của ngành giáo dục được tăng cường, quy mô ngày càng phát triển, chất lượng giáo dục - đào tạo có mặt được nâng lên. Công tác xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia được coi là nhiệm vụ trọng tâm, đến nay đã có 28,51% trường tiểu học, 17,14% trường THPT và THCS đạt chuẩn, vượt chỉ tiêu Nghị quyết. Đã cơ bản hoàn thành phổ cập trung học cơ sở, phổ cập tiểu học đúng độ tuổi ở các huyện đồng bằng và một số xã có điều kiện ở miền núi, đạt chỉ tiêu Nghị quyết. Chủ động thực hiện Đề án xoá 400 phòng học tranh tre nứa lá; triển khai thực hiện Chương trình kiên cố hoá trường, lớp học, nhờ đó, cơ sở vật chất trường học phổ thông được cải thiện nhiều so với trước. Số lượng học sinh các ngành học, cấp học được duy trì; chất lượng dạy và học có mặt được nâng lên. Ở bậc THPT, số trường bán công, dân lập và tư thục tăng lên.

Đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục, đội ngũ giáo viên được tăng cường về số lượng và chất lượng, cơ bản hoàn thành việc chuẩn hoá trình độ chuyên môn. Ngoài chế độ chính sách của Nhà nước, tỉnh đã có chính sách hỗ trợ tiền lương đối với giáo viên công tác tại miền núi và giáo viên mầm non bán công.

Đã sắp xếp, nâng cao chất lượng đào tạo của các trường, trung tâm dạy nghề, hình thành Trường dạy nghề Dung Quất, nhờ đó loại hình, ngành và cơ cấu nghề đào tạo được mở rộng, phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

2. Hoạt động khoa học và công nghệ có bước chuyển biến tích cực. Các nhiệm vụ, các đề tài nghiên cứu ứng dụng khoa học và công nghệ đã có những đóng góp tích cực vào nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. 5 năm qua, đã triển khai thực hiện 64 đề tài nghiên cứu ứng dụng cấp tỉnh. Quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ tiếp tục được đổi mới và đi dần vào nền nếp. Bước đầu thực hiện việc nghiên cứu một số đề tài khoa học theo đặt hàng của UBND tỉnh để phục vụ trực tiếp cho các nhiệm vụ trọng tâm. Các doanh nghiệp sản xuất đã quan tâm xây dựng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn tiên tiến, tăng cường ứng dụng khoa học và công nghệ vào sản xuất, giảm chi phí, tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm hàng hoá trên thị trường. Đã triển khai ứng dụng công nghệ thông tin nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các cơ quan đảng, nhà nước.

3. Hoạt động văn hoá - thông tin, báo chí, phát thanh - truyền hình có nhiều tiến bộ; hoạt động thể dục thể thao đạt một số kết quả nhất định. Các hoạt động văn hoá quần chúng được duy trì, có lúc diễn ra sôi nổi, thu hút được nhiều người tham gia. Phong trào “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá*” được phát triển sâu rộng, có tác dụng giáo dục, hình thành nếp sống văn hoá cá nhân, cộng đồng, đẩy lùi dần các tập tục lạc hậu. Đến nay, toàn tỉnh có 80% gia đình, 60% thôn, tổ dân phố và trên 90% cơ quan đạt danh hiệu văn hoá. Đã tích cực hơn trong việc đầu tư trùng tu, tôn tạo, bảo tồn và phát huy các di tích văn hoá, lịch sử. Lĩnh vực văn học, nghệ thuật và hoạt động của Hội Văn học - Nghệ thuật có những tiến bộ; đội ngũ văn nghệ sĩ đã có nhiều cố gắng trong việc nghiên cứu, sáng tạo ra những tác phẩm văn hoá.

Hoạt động báo chí, phát thanh - truyền hình đã có nhiều đổi mới về nội dung, hình thức, chất lượng được nâng lên, đáp ứng yêu cầu thông tin, tuyên truyền đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; động viên kịp thời các tầng lớp nhân dân thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị ở địa phương; góp phần nâng cao đời sống tinh thần cho nhân dân, đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, chống âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch. Đến năm 2005, phủ sóng truyền hình 92% và phủ sóng phát thanh 97%, vượt chỉ tiêu Nghị quyết. Chất lượng hoạt động của Hội nhà báo và đội ngũ cán bộ, phóng viên báo chí được nâng lên.

Hoạt động thể dục thể thao đạt một số kết quả nhất định, góp phần nâng cao thể lực, tinh thần cho nhân dân trong tỉnh. Đến nay, số người thường xuyên tham gia luyện tập thể dục thể thao đạt 18,5% so với dân số trong tỉnh, tăng 5,5% so với năm 2000. Một số bộ môn thể thao truyền thống và hiện đại tiếp tục được phát huy.

4. Sự nghiệp y tế tiếp tục được quan tâm đầu tư phát triển. Đã đầu tư xây dựng mới và đưa vào sử dụng 3 trung tâm y tế cấp huyện, đang triển khai xây dựng Bệnh viện đa khoa tỉnh quy mô 600 giường, một số bệnh viện chuyên khoa, một số trung tâm y tế huyện và các cơ sở y tế khác. Đến nay, gần 100% xã có trạm y tế; 70% trạm có bác sĩ, nâng cao một bước chất lượng khám, chữa bệnh ngay tại cơ sở. Công tác y tế dự phòng đã chủ động tích cực phòng chống dịch bệnh, đẩy lùi các dịch bệnh nguy hiểm, xoá mù loà cơ bản cho bệnh nhân. Công tác tiêm chủng mở rộng cho trẻ dưới 5 tuổi đã đi vào nền nếp, đạt chỉ tiêu Nghị quyết. Đã chấn chỉnh và khắc phục một bước những sai phạm về y đức của một bộ phận cán bộ y tế; chú trọng hơn công tác khám chữa bệnh miễn phí đối với người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số và đối tượng chính sách.

Các chỉ tiêu về sức khoẻ, nâng cao thể trạng và tầm vóc con người đạt khá. Bình quân mỗi năm tỷ suất sinh thô giảm 0,8‰ ; tỷ lệ tăng dân số tự nhiên giảm còn 1,0‰, vượt chỉ tiêu Nghị quyết. Giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng

dưới 5 tuổi đạt chỉ tiêu Nghị quyết. Đến năm 2005, 100% dân số đô thị và 75% dân số nông thôn được dùng nước hợp vệ sinh, gần đạt chỉ tiêu Nghị quyết.

5. Công tác xoá đói giảm nghèo, tạo việc làm cho người lao động đạt kết quả khá. Đến nay, tỷ lệ hộ đói nghèo giảm còn dưới 9%, vượt chỉ tiêu Nghị quyết. Hằng năm, đã giải quyết việc làm và tạo việc làm mới cho 30.000 lao động, đạt chỉ tiêu Nghị quyết. Đã lập và triển khai thực hiện Đề án xuất khẩu lao động, số lao động xuất khẩu năm 2005 đạt trên 300 người.

6. Chính sách đối với người có công với nước và chính sách xã hội được thực hiện tốt hơn. Thực hiện cuộc vận động “Toàn dân chăm sóc thương binh, gia đình liệt sĩ, Bà mẹ Việt Nam anh hùng và người có công với nước”: toàn tỉnh đã xây dựng mới, sửa chữa trên 1.600 nhà tình nghĩa, hoàn thành Đề án hỗ trợ nhà ở cho các gia đình có công; các Bà mẹ Việt Nam anh hùng đều được phụng dưỡng về vật chất và tinh thần; trên 35.000 người đã được giải quyết chế độ chính sách, nâng tổng số đối tượng này trong toàn tỉnh lên trên 120.000 người. Ngoài ra, các đối tượng là người cao tuổi, người tàn tật, nạn nhân chất độc màu da cam, các đối tượng cần chăm sóc, hỗ trợ trong xã hội đã được quan tâm giúp đỡ.

Bên cạnh đó, lĩnh vực văn hoá, xã hội vẫn còn một số mặt khuyết điểm.

1. Xã hội hoá giáo dục còn nhiều hạn chế, chưa phát huy đúng mức nội lực để phát triển mạnh giáo dục - đào tạo. Chất lượng giáo dục toàn diện còn thấp; phong trào xã hội học tập chưa được đẩy mạnh. Một số bức xúc trong ngành giáo dục như: bệnh thành tích, vấn đề dạy thêm, học thêm không đúng quy định chậm được khắc phục; phát triển giáo dục ở miền núi còn nhiều khó khăn. Đào tạo nguồn nhân lực vẫn còn nhiều hạn chế, nhất là về cơ cấu ngành nghề và chất lượng.

2. Khoa học và công nghệ chưa thực sự đóng vai trò động lực trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Hiệu quả nghiên cứu, ứng dụng một số đề tài khoa học đạt thấp. Tuy đã có cơ chế chính sách nhưng chưa khuyến khích, động viên được cán bộ khoa học kỹ thuật tại chỗ và thu hút cán bộ khoa học kỹ thuật giỏi ở các nơi về công tác tại tỉnh hoặc làm việc cho tỉnh. Tiềm lực khoa học và công nghệ còn yếu cả về con người và cơ sở vật chất.

3. Hoạt động văn hoá - thông tin, báo chí, phát thanh, truyền hình còn những hạn chế nhất định. Chưa kịp thời tuyên truyền, khắc phục những nhận thức và hành vi lệch lạc trong nhân dân. Chưa biểu dương đúng mức những điển hình tiên tiến, thiếu sự phê phán kịp thời những việc làm trái với đường lối, của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạo đức xã hội. Tiềm năng văn hoá trong nhân dân, nhất là các di tích văn hoá của tỉnh đã được công nhận và nhiều giá trị văn hoá truyền thống tốt đẹp của các dân tộc trong tỉnh

chưa được đầu tư và phát huy đúng mức. Một số công trình, cơ sở văn hoá phát huy tác dụng thấp. Đời sống văn hoá ở vùng nông thôn, miền núi còn nghèo nàn; một số tệ nạn, tiêu cực xã hội và tập tục lạc hậu chưa được đẩy lùi.

Hoạt động thể dục thể thao chưa đi vào chiều sâu. Chưa đầu tư đúng mức cơ sở vật chất cho thể dục thể thao. Một số môn thể thao không phát triển, thậm chí giảm sút; chất lượng huấn luyện, đào tạo vận động viên, nhất là vận động viên thành tích cao chưa tốt, chưa đạt nhiều kết quả trong thi đấu ở các giải quốc gia.

4. Quản lý nhà nước về y tế còn nhiều yếu kém, tình trạng vi phạm y đức chậm được khắc phục. Nguồn lực đầu tư cho hệ thống y tế, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn thấp; chưa chú trọng thực hiện xã hội hoá ngành y tế. Nhân dân chưa được tiếp cận thường xuyên và thuận tiện các dịch vụ y tế. Công tác quản lý dược phẩm và vệ sinh an toàn thực phẩm còn buông lỏng. Nguy cơ tăng dân số vẫn còn ở một số địa bàn.

5. Công tác xoá đói giảm nghèo chưa thực sự bền vững. Tính chủ động vươn lên trong thực hiện nhiệm vụ xoá đói giảm nghèo của một bộ phận cán bộ và nhân dân chưa cao. Kết quả xoá đói giảm nghèo không đồng đều giữa các vùng, tỷ lệ hộ tái nghèo còn cao, nhất là ở miền núi.

III. Quốc phòng - an ninh được tăng cường, chính trị - xã hội ổn định, tạo môi trường thuận lợi để phát triển kinh tế - xã hội; công tác nội chính có mặt tiến bộ.

Đã kịp thời quán triệt và triển khai thực hiện nghiêm túc các nghị quyết của Trung ương, Bộ Chính trị về quốc phòng - an ninh, nhất là về chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới và chiến lược an ninh quốc gia. Chủ động phòng ngừa và đấu tranh chống âm mưu “*diễn biến hoà bình*” và bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch. Việc kết hợp giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng - an ninh được chú trọng hơn. Thế trận phòng thủ trên địa bàn tỉnh, nhất là thế trận quốc phòng - an ninh, thế trận lòng dân luôn được giữ vững và tăng cường, không để xảy ra đột biến, bất ngờ. Các khu vực phòng thủ tỉnh, huyện được chăm lo xây dựng, từng bước bảo đảm tính cơ bản, liên hoàn, vững chắc. Các địa bàn trọng điểm, xung yếu về quốc phòng - an ninh, đặc biệt là ở miền núi, biên giới biển, đảo được củng cố.

Lực lượng vũ trang đã được xây dựng chặt chẽ, gắn bó mật thiết với nhân dân và nâng cao khả năng hiệp đồng chiến đấu trong mọi tình huống. Công tác tuyển quân hàng năm đều đạt 100%. Lực lượng dự bị động viên được quản lý bảo đảm về số lượng, chất lượng được nâng lên. Lực lượng dân quân tự vệ vững mạnh, rộng khắp, bảo đảm tỷ lệ theo Pháp lệnh. Phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc được duy trì, phòng tuyến an ninh nhân dân được giữ vững. Các lực lượng an ninh đã kịp thời phát hiện, ứng phó và ngăn chặn, phá vỡ nhiều

âm mưu và hoạt động phá hoại của địch. Công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm được chỉ đạo thực hiện kiên quyết, nhờ đó tội phạm hình sự giảm 46% so với nhiệm kỳ trước, bảo đảm tuyệt đối an toàn cho các hoạt động chính trị, kinh tế - xã hội quan trọng của địa phương. Công tác an toàn giao thông, phòng chống cháy nổ, thiên tai lũ lụt, cứu nạn cứu hộ được tập trung chỉ đạo, thực hiện đồng bộ hơn giữa các cấp, các ngành và đạt được một số kết quả.

Các ngành thuộc khối nội chính đã được sắp xếp, kiện toàn bộ máy và đi vào hoạt động có hiệu quả hơn. Trình độ nghiệp vụ của đội ngũ thẩm phán, kiểm sát viên, điều tra viên, chấp hành viên được nâng lên. Các hoạt động hỗ trợ tư pháp được đẩy mạnh mang lại hiệu quả nhất định. Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật đã được cấp uỷ, chính quyền các cấp chỉ đạo triển khai với nhiều hình thức, góp phần nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân. Chất lượng công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án được nâng lên. Đã chú trọng chỉ đạo các biện pháp nhằm đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, xử lý những vấn đề bức xúc trong các lĩnh vực đất đai, đầu tư, xây dựng cơ bản; tập trung giải quyết các vụ khiếu nại phức tạp, tồn đọng, góp phần ổn định tình hình. Công tác tiếp dân được tổ chức thường xuyên, đã giải quyết được nhiều kiến nghị, phản ánh của công dân.

Bên cạnh đó, công tác quốc phòng - an ninh và công tác nội chính vẫn còn một số hạn chế nhất định. Hiệu quả của kết hợp kinh tế - xã hội với quốc phòng- an ninh còn hạn chế. Chất lượng giáo dục về quốc phòng - an ninh chưa cao. Công tác nắm bắt tình hình có lúc chưa kịp thời, tham mưu cho cấp uỷ, chính quyền có nội dung thiếu nhạy bén. An ninh chính trị, nội bộ, bảo vệ bí mật quốc gia có nơi còn sơ hở. Công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí chưa quyết liệt. Tai nạn giao thông vẫn còn xảy ra nghiêm trọng. Cơ sở vật chất, trang thiết bị của lực lượng vũ trang chưa được tăng cường đúng mức.

Một số cơ quan nội chính, nhất là cấp huyện còn yếu cả về cơ sở vật chất và đội ngũ cán bộ. Công tác xét xử và thi hành án dân sự thực hiện chậm, tồn đọng nhiều. Tình hình khiếu nại, tố cáo của công dân ở một số địa phương đối với một số lĩnh vực còn diễn biến phức tạp, trong khi đó việc giải quyết của một số cơ quan chức năng và cơ sở còn lúng túng, do đó đơn, thư tồn đọng và vượt cấp còn nhiều. Chưa tập trung thanh tra các lĩnh vực dễ phát sinh tham nhũng, lãng phí; xử lý sai phạm sau thanh tra hiệu quả chưa cao.

IV. Công tác xây dựng chính quyền; công tác dân vận, mặt trận, các đoàn thể nhân dân và hội quần chúng có nhiều mặt tiến bộ.

1. Bộ máy chính quyền các cấp tiếp tục được kiện toàn, hoạt động ngày càng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ quản lý xã hội và phục vụ nhân dân. Chất lượng hoạt động của HĐND các cấp ngày càng được nâng lên. Nghị quyết của

HĐND đã thể chế hoá được chủ trương, nhiệm vụ của cấp uỷ cùng cấp. Công tác tiếp xúc cử tri, hoạt động giám sát của HĐND giữa hai kỳ họp bước đầu đã có sự chuyển biến tích cực. UBND các cấp đã có nhiều cố gắng trong hoạt động chỉ đạo, điều hành nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng-an ninh ở địa phương.

Công tác cải cách hành chính được triển khai thực hiện trên các nội dung: thể chế hành chính, tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ công chức và tài chính công, đạt được một số kết quả quan trọng. Đã ban hành 80 cơ chế, chính sách trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội; thí điểm khoán biên chế, chi phí hành chính cho 7 đơn vị; phân cấp quản lý ngân sách; thực hiện cơ chế “một cửa” ở 26 sở, ngành và UBND huyện, thành phố. Hoạt động của bộ máy hành chính ngày càng mang tính chuyên nghiệp hơn. Đến nay, UBND tỉnh đã xem xét, điều chỉnh tổ chức bộ máy của 20/26 sở ngành cấp tỉnh và 03 chi cục quản lý nhà nước chuyên ngành. Kỷ luật, kỷ cương được tăng cường hơn trước.

Đội ngũ cán bộ, công chức trong bộ máy chính quyền các cấp được chăm lo đào tạo, bồi dưỡng theo tiêu chuẩn quy định, chất lượng được nâng lên. Từ năm 2001 đến nay đã đào tạo được 6.812 lượt cán bộ, công chức, viên chức các cấp, trong đó có 98 cán bộ được cử đi đào tạo trên đại học.

Công tác thi đua, khen thưởng được tiếp tục đẩy mạnh, đã tổ chức được nhiều phong trào thi đua, động viên, cổ vũ các đơn vị, địa phương và cán bộ, nhân dân phấn đấu thực hiện hoàn thành nhiệm vụ.

2. Công tác dân vận, mặt trận, các đoàn thể nhân dân và hội quần chúng có những chuyển biến tích cực. Các cấp uỷ đảng đã thường xuyên chỉ đạo toàn diện công tác vận động quần chúng và hoạt động của mặt trận, các đoàn thể nhân dân và hội quần chúng. Chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc, công tác dân tộc được triển khai thực hiện tương đối tốt, đoàn kết giữa các dân tộc trong tỉnh ngày càng được củng cố. Công tác tôn giáo có những tiến bộ nhất định, kịp thời động viên đồng bào các tôn giáo phát huy truyền thống yêu nước, hăng hái tham gia công cuộc đổi mới, làm tốt việc đạo, làm tròn nghĩa vụ công dân ở địa phương.

Mặt trận, các đoàn thể nhân dân và hội quần chúng các cấp tiếp tục được kiện toàn về tổ chức, đổi mới về nội dung và phương thức hoạt động. Đã tập trung vận động đoàn viên, hội viên và nhân dân thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và giữ vững quốc phòng, an ninh, giám sát việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở. Nhiều phong trào đã đi vào cuộc sống, động viên, cổ vũ các tầng lớp nhân dân hăng hái tham gia. Điển hình như: cuộc vận động “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư*” đã xây dựng được 2.253/2798 khu dân cư tiên tiến, đạt 80,52%; hằng năm, “*ngày hội Đại đoàn kết toàn dân*” được tổ chức sâu rộng đến từng khu dân cư; cuộc vận động

“Ngày vì người nghèo” huy động được trên 13,5 tỷ đồng, xây mới 1.561 nhà, sửa chữa 329 nhà đại đoàn kết cho hộ nghèo; vận động ủng hộ đồng bào vùng thiên tai, lũ lụt, nạn nhân chất độc màu da cam; vận động nhân dân thực hiện thắng lợi cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XI, HĐND các cấp nhiệm kỳ 2004 - 2009; phong trào thi đua “*lao động giỏi*” trong công nhân, viên chức, lao động; hội viên nông dân thi đua sản xuất, kinh doanh giỏi; thanh niên thi đua, tình nguyện xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; phụ nữ tích cực học tập, lao động sáng tạo, xây dựng gia đình hạnh phúc; hỗ trợ phụ nữ phát triển kinh tế; Hội Cựu chiến binh tham gia xây dựng Đảng, chính quyền, giáo dục truyền thống cách mạng cho thế hệ trẻ... Các phong trào trên cùng với hoạt động của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh, Hội Chữ thập đỏ và các hội xã hội, nghề nghiệp khác đã góp phần tích cực xoá đói giảm nghèo và thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị ở địa phương.

Tuy nhiên, công tác xây dựng chính quyền, công tác dân vận và mặt trận, đoàn thể nhân dân các cấp vẫn còn những hạn chế, yếu kém.

Công tác giám sát của HĐND các cấp chưa thường xuyên, hiệu quả chưa cao. Hoạt động của các ban HĐND và một số đại biểu HĐND các cấp còn thiếu chủ động, chất lượng chưa cao. Sự chỉ đạo, điều hành của UBND các cấp vẫn còn bộc lộ những yếu kém nhất định. Bộ máy hành chính các cấp, nhất là các cơ quan chuyên môn thuộc UBND còn hạn chế về năng lực tham mưu và tổ chức thực hiện, còn tình trạng chông chéo, đùn đẩy, né tránh trong công việc. Cải cách hành chính chưa theo kịp yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; thủ tục hành chính vẫn còn rườm rà, nhất là lĩnh vực đất đai, đầu tư xây dựng. Kỷ luật, kỷ cương hành chính tuy được tăng cường, song vẫn chưa nghiêm. Một bộ phận cán bộ, công chức còn biểu hiện tiêu cực, những nhiều nhưng chưa được chú trọng phát hiện và xử lý. Việc cụ thể hoá và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở của nhiều địa phương, đơn vị còn mang tính hình thức.

Một số cấp uỷ đảng còn lúng túng về phương thức lãnh đạo công tác vận động quần chúng, chưa thường xuyên định hướng nội dung hoạt động, thiếu quan tâm kiện toàn, củng cố tổ chức và đội ngũ cán bộ. Ở một số địa phương, chính quyền chưa phối hợp chặt chẽ và tạo điều kiện thuận lợi về cơ sở vật chất để mặt trận, các đoàn thể nhân dân hoạt động; chưa kịp thời giải quyết một số vấn đề bức xúc của nhân dân.

Nội dung hoạt động của mặt trận, đoàn thể nhân dân từng nơi, từng lúc chưa bám sát một số chủ trương của Tỉnh uỷ; phương thức hoạt động còn thiếu tính đa dạng, chưa tạo ra phong trào hành động cách mạng mạnh mẽ, do đó chưa phát huy đúng mức nguồn lực trong nhân dân thực hiện nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ. Việc tập hợp, phản ánh tâm tư, nguyện vọng của nhân dân chưa được thực hiện tốt.

V. Công tác xây dựng Đảng mà trọng tâm là cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khoá VIII được triển khai thực hiện đạt những kết quả quan trọng.

1. *Công tác giáo dục chính trị tư tưởng được tăng cường, đã chú trọng cải tiến về nội dung, hình thức và phương pháp; chất lượng và hiệu quả được nâng lên.* Tỉnh uỷ đã ban hành Quy định và chỉ đạo các cấp uỷ đổi mới cách thức tổ chức học tập, quán triệt nghị quyết, chỉ thị của Đảng, kịp thời sơ kết, tổng kết việc thực hiện; củng cố Trường chính trị tỉnh, trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện, thành phố; tăng cường sự lãnh đạo đối với hoạt động của các cơ quan khối tuyên truyền; tổ chức thi báo cáo viên giỏi về Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, về tư tưởng Hồ Chí Minh, thi tìm hiểu tư tưởng Hồ Chí Minh, lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; biên soạn và phát hành lịch sử đảng bộ địa phương ... Các hoạt động đó đã có tác dụng thiết thực trong việc quán triệt, nâng cao nhận thức về Chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng và truyền thống cách mạng của địa phương cho cán bộ, đảng viên và nhân dân trong tỉnh.

Nhìn chung, đại bộ phận cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ giác ngộ và giữ vững lập trường chính trị, giữ gìn đoàn kết nội bộ, rèn luyện đạo đức, lối sống, chống chủ nghĩa cá nhân và các quan điểm sai trái, âm mưu “*diễn biến hoà bình*” của các thế lực thù địch. Niềm tin của nhân dân đối với Đảng, sự nghiệp đổi mới do Đảng lãnh đạo và sự đồng thuận xã hội tiếp tục được củng cố.

2. *Công tác tổ chức, cán bộ từng bước đi vào nền nếp và đã đạt được những kết quả tích cực.* Đã cụ thể hoá các nghị quyết, quy định, quy chế của Trung ương về công tác tổ chức, cán bộ; ban hành Nghị quyết số 09-NQ/TU, các chỉ thị, quy định, quy chế và đề án về công tác tổ chức, cán bộ và phân cấp quản lý cán bộ. Bộ máy các cơ quan trong hệ thống chính trị được sắp xếp, tổ chức lại theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 7 (khoá VIII). Công tác nhận xét, đánh giá cán bộ có chuyển biến nhất định. Các cấp uỷ, tổ chức đảng, các cơ quan, đơn vị đã thực hiện quy hoạch cán bộ bảo đảm về số lượng, chất lượng được nâng lên. Nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ được chú trọng thực hiện, khắc phục một bước đào tạo không theo quy hoạch; đã chú ý hơn việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cấp cơ sở. Bổ nhiệm và bổ nhiệm lại cán bộ tương đối kịp thời đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị của các cơ quan, đơn vị. Công tác luân chuyển cán bộ lãnh đạo và quản lý được triển khai thực hiện, góp phần nâng cao năng lực thực tiễn cho cán bộ và đào tạo đội ngũ cán bộ kế cận. Chính sách cán bộ được quan tâm hơn, đã thực hiện tương đối tốt chính sách cán bộ theo Nghị quyết 16 của Chính phủ. Công tác bảo vệ chính trị nội bộ được chú trọng.

Việc thực hiện các nhiệm vụ nêu trên đều bảo đảm nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ, quản lý đội ngũ cán bộ và nguyên tắc tập trung dân chủ; bảo đảm vai trò lãnh đạo của Đảng, đồng thời phát huy trách nhiệm của các tổ chức trong hệ thống chính trị và người đứng đầu.

Trình độ về các mặt, năng lực lãnh đạo, quản lý và hoạt động thực tiễn của đội ngũ cán bộ các cấp tiếp tục được nâng lên. Đến nay, phần lớn cán bộ chủ chốt cấp tỉnh, các huyện đồng bằng và thành phố có trình độ đại học chuyên ngành, cao cấp, cử nhân chính trị và trung cao cấp về quản lý nhà nước.

3. Công tác kiện toàn, củng cố, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng; nâng cao chất lượng đảng viên và phát triển đảng viên đạt được một số tiến bộ. Ngay sau Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, các cấp uỷ đã tăng cường chỉ đạo kiện toàn, củng cố các đảng bộ, chi bộ yếu kém, nơi có nhiều khó khăn, nội bộ mất đoàn kết, nâng cao chất lượng sinh hoạt cấp uỷ, chi bộ; xây dựng và thực hiện quy chế làm việc nhằm thực hiện tốt quy định của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ của từng tổ chức cơ sở đảng; thi bí thư chi bộ giỏi... Hoạt động của các chi, đảng bộ cơ sở, nhất là ở xã, phường, thị trấn được giữ vững, thể hiện được vai trò hạt nhân lãnh đạo chính trị ở cơ sở. Nội dung và phương thức lãnh đạo có đổi mới, trước hết là nâng cao chất lượng ra nghị quyết và phương pháp tổ chức thực hiện nghị quyết. Tập trung chỉ đạo thực hiện công tác phát triển đảng viên, phân công nhiệm vụ cho đảng viên, phát huy tinh thần gương mẫu của đảng viên, phê phán, xử lý những đảng viên có biểu hiện tiêu cực, tham nhũng, lãng phí, quản lý và giám sát chặt chẽ đảng viên thực hiện nhiệm vụ ở cơ quan và nghĩa vụ nơi cư trú. So với đầu nhiệm kỳ, số tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh tăng, số cơ sở đảng yếu kém giảm; đảng viên đủ tư cách, hoàn thành tốt và hoàn thành nhiệm vụ đạt tỷ lệ cao. Số lượng đảng viên mới kết nạp đạt chỉ tiêu Nghị quyết. Hoàn thành công tác đổi thẻ đảng viên và triển khai thực hiện dự án dữ liệu quản lý đảng viên đạt kết quả.

4. Công tác kiểm tra được tăng cường, góp phần thúc đẩy hoàn thành nhiệm vụ chính trị và công tác xây dựng Đảng, nhất là giữ gìn kỷ luật, kỷ cương trong Đảng. Công tác kiểm tra và thi hành kỷ luật trong Đảng của cấp uỷ và Uỷ ban kiểm tra các cấp được thực hiện đúng quy định của Điều lệ Đảng. Quá trình thực hiện đều có chương trình, kế hoạch cụ thể và đã đi dần vào nền nếp; tuân thủ phương pháp, quy trình kiểm tra, bảo đảm dân chủ. Coi trọng công tác kiểm tra chấp hành Điều lệ Đảng, các nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước; kiểm tra các vụ việc nổi cộm, giải quyết khiếu nại, tố cáo và kiểm tra tổ chức đảng, đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm. Qua kiểm tra đã chỉ ra những thiếu sót, khuyết điểm, xử lý kỷ luật nghiêm túc các tổ chức, cá nhân vi phạm; đề ra biện pháp khắc phục nhằm ngăn ngừa, hạn chế vi phạm của tổ chức đảng và đảng viên; góp phần hoàn thành nhiệm vụ

chính trị và công tác xây dựng Đảng, giữ gìn kỷ luật, kỷ cương trong Đảng, chống chủ nghĩa cá nhân, tham nhũng, lãng phí và các biểu hiện tiêu cực khác.

5. Phương thức lãnh đạo của các cấp uỷ, tổ chức đảng, trước hết là của Tỉnh uỷ, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ tiếp tục được đổi mới. Ngay từ đầu nhiệm kỳ, Tỉnh uỷ đã cụ thể hoá Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh thành các nghị quyết chuyên đề trên các mặt công tác, nhất là các khâu đột phá, theo đó, đã kịp thời chỉ đạo Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân tỉnh thể chế hoá thành các nghị quyết, kế hoạch, cơ chế, chính sách để thực hiện; kịp thời ban hành các chỉ thị để chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ nảy sinh trong thực tiễn. Tỉnh uỷ, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ và các cấp uỷ, tổ chức đảng trong tỉnh đã ban hành quy chế làm việc; thực hiện làm việc theo quy chế, chương trình, kế hoạch cụ thể gắn với duy trì chế độ giao ban, trực báo. Tuân thủ nguyên tắc tập trung dân chủ, giữ vững đoàn kết nội bộ; nêu cao vai trò, trách nhiệm của tập thể lãnh đạo, gắn với phân công nhiệm vụ và phát huy trách nhiệm của cá nhân từng cấp uỷ viên và của người đứng đầu các tổ chức trong hệ thống chính trị. Lãnh đạo toàn diện các mặt công tác, đồng thời coi trọng chỉ đạo những nhiệm vụ chủ yếu trong từng thời gian, thời điểm. Tăng cường công tác kiểm tra của cấp uỷ và Uỷ ban kiểm tra các cấp, trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc của từng cấp uỷ viên. Kịp thời sơ kết, tổng kết việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, đề ra các giải pháp cụ thể để tháo gỡ những vướng mắc và khắc phục những lệch lạc trong thực tế.

Những kết quả đạt được của công tác xây dựng Đảng trong nhiệm kỳ qua là cơ bản, song vẫn còn những khuyết điểm.

1. Công tác giáo dục chính trị tư tưởng còn một số mặt hạn chế. Một số nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Tỉnh uỷ, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ chưa được quán triệt kịp thời, sâu rộng. Việc tổ chức quán triệt nghị quyết cho nhân dân đạt kết quả thấp. Công tác tuyên truyền chưa góp phần tích cực giải quyết các vấn đề xã hội quan tâm như đền bù, giải toả, thực hiện quy hoạch, xây dựng và quản lý đô thị... Bên cạnh xu hướng tư tưởng tích cực là chủ yếu, vẫn còn một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa nói và làm theo nghị quyết của Đảng, học tập tư tưởng Hồ Chí Minh nhưng chưa thật sự chuyển biến thành hành động thực tế; phai nhạt lý tưởng, sa sút về đạo đức, lối sống. Cán bộ, nhân dân còn băn khoăn về hiệu quả đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, bất bình trước tình trạng thiếu trách nhiệm, thái độ cửa quyền, sách nhiễu của một bộ phận cán bộ, công chức các cấp, nhất là ở các lĩnh vực liên quan trực tiếp đến quyền lợi của nhân dân.

2. Một số nội dung trong công tác cán bộ chuyển biến chậm, chưa thể hiện rõ vai trò là khâu đột phá. Công tác đánh giá cán bộ vẫn còn là khâu yếu, chậm được khắc phục. Phân cấp quản lý cán bộ có mặt chưa cụ thể, thiếu đồng bộ. Đào tạo cán bộ mới chủ yếu phục vụ cho yêu cầu trước mắt, chưa có tính

chiến lược. Đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cán bộ chủ chốt còn hăng hực, yêu về trình độ và năng lực; một số cán bộ nhận thức lý luận và thực tiễn chưa theo kịp yêu cầu, trách nhiệm và năng lực tổ chức thực hiện yếu, thiếu chủ động, sáng tạo. Tỷ lệ cán bộ nữ, trẻ tuổi, người dân tộc thiểu số trong đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý kể cả diện quy hoạch còn thấp. Một số cơ quan và cán bộ làm công tác tổ chức cán bộ năng lực tham mưu giúp cấp uỷ lãnh đạo, chỉ đạo và thực hiện công tác cán bộ còn yếu. Việc khuyến khích cán bộ học tập, nâng cao trình độ và thu hút nhân tài chưa đạt kết quả cao.

3. Công tác xây dựng tổ chức cơ sở đảng và công tác đảng viên còn nhiều mặt hạn chế chưa được khắc phục có hiệu quả. Nhiều tổ chức cơ sở đảng còn yếu trong việc tổ chức thực hiện nghị quyết, hạn chế về năng lực lãnh đạo phát triển kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá; thực hiện chưa đầy đủ chức năng, nhiệm vụ theo quy định. Sức chiến đấu của một số tổ chức cơ sở đảng và một bộ phận đảng viên giảm sút, còn biểu hiện đoàn kết xuôi chiều. Nội dung sinh hoạt chi bộ, đảng bộ ở các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp chậm đổi mới. Việc xây dựng tổ chức đảng trong các doanh nghiệp ngoài quốc doanh chậm. Đánh giá chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên có nơi chưa sát thực tế. Công tác phát triển đảng viên ở vùng nông thôn và miền núi gặp nhiều khó khăn. Tính tiên phong gương mẫu của một bộ phận đảng viên thấp kém, một số trường hợp tiêu cực, tham nhũng, vi phạm tư cách đạo đức, lối sống bị nhân dân chê trách.

4. Công tác kiểm tra tuy được tăng cường nhưng vẫn còn một số cấp uỷ và uỷ ban kiểm tra chưa thực hiện tốt nhiệm vụ công tác kiểm tra. Một số cấp uỷ thực hiện nhiệm vụ kiểm tra theo Điều 30 chưa thường xuyên; nhiều Uỷ ban kiểm tra chưa thực hiện toàn diện nhiệm vụ kiểm tra theo Điều 32 của Điều lệ Đảng. Việc xử lý, khắc phục những mặt yếu kém đã được xác định sau kiểm tra chưa kịp thời, có việc thiếu kiên quyết.

5. Phương thức lãnh đạo của các cấp uỷ, tổ chức đảng còn những mặt chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong thời kỳ mới. Sự lãnh đạo của một số cấp uỷ còn chung chung, thiếu sâu sát, cụ thể, nhất là việc vận dụng các quan điểm, chủ trương của Đảng. Một số cấp uỷ, tổ chức đảng chưa bám sát quy chế làm việc, phân công, phân nhiệm không rõ ràng. Việc triển khai thực hiện nghị quyết, chỉ thị của Đảng có lúc còn thiếu đồng bộ, chưa phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị và sức mạnh của toàn dân.

ĐÁNH GIÁ TỔNG QUÁT

Những thành tựu và nguyên nhân: Năm năm qua, trong điều kiện còn nhiều khó khăn, thách thức, tỉnh ta đã đạt được nhiều kết quả quan trọng trên các lĩnh vực. Hầu hết các chỉ tiêu chủ yếu do Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI đề ra đều được thực hiện đạt và vượt. Kinh tế tăng trưởng với nhịp

độ khá cao. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Các khu vực, ngành, vùng kinh tế đều phát triển. Kết cấu hạ tầng kinh tế - kỹ thuật được tập trung đầu tư xây dựng và có bước phát triển đáng kể. Nhiều mặt của lĩnh vực văn hoá - xã hội tiếp tục phát triển, góp phần cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Quốc phòng - an ninh được tăng cường và giữ vững. Việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ngày càng được quan tâm, có tiến bộ trên nhiều mặt. Công tác dân vận, mặt trận, các đoàn thể nhân dân có những chuyển biến tích cực. Sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, lòng tin của nhân dân và sự đồng thuận trong xã hội đối với công cuộc đổi mới do Đảng ta lãnh đạo tiếp tục được củng cố, tăng cường. Năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ được nâng lên.

Những thành tựu trên là kết quả của sự đoàn kết, nỗ lực phấn đấu của toàn Đảng bộ, quân và dân trong tỉnh dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát của Trung ương Đảng, Chính phủ và sự hỗ trợ tích cực của các bộ, ngành Trung ương; là kết quả của sự cố gắng lớn trong đổi mới, nâng cao vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh uỷ và các cấp uỷ đảng, trong quyết định và giám sát việc thực hiện quyết định của Hội đồng nhân dân, trong quản lý, điều hành của Uỷ ban nhân dân tỉnh và các cấp chính quyền, trong vai trò vận động, tổ chức phong trào quần chúng của mặt trận và các đoàn thể nhân dân trong tỉnh. Thành tựu đó đã tạo ra thế và lực mới để tỉnh ta tiến nhanh, tiến vững chắc trong nhiệm kỳ tiếp theo.

Những hạn chế, yếu kém và nguyên nhân: Kinh tế tuy tăng trưởng với nhịp độ khá cao, nhưng chất lượng chưa cao, thiếu bền vững, chưa có sự chuyển biến rõ nét và có tính đột phá; giá trị sản xuất các ngành kinh tế còn nhỏ bé, cơ cấu kinh tế chuyển dịch còn chậm. Nhiều nguồn lực, tiềm năng trong tỉnh chưa được khơi dậy và phát huy đúng mức; thu hút ngoại lực chưa được nhiều. Năng lực và sức cạnh tranh của nhiều mặt hàng và doanh nghiệp còn hạn chế. Kết cấu hạ tầng kinh tế - kỹ thuật tuy phát triển nhưng nhìn chung chưa đồng bộ và chưa đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Quản lý nhà nước về quy hoạch, đất đai, đầu tư xây dựng, quản lý đô thị còn nhiều yếu kém. Nhiều dự án đầu tư xây dựng còn kéo dài, lãng phí, thất thoát. Một số vấn đề bức xúc trên lĩnh vực xã hội chậm được giải quyết. Đời sống của một bộ phận nhân dân, nhất là vùng miền núi, vùng sâu, vùng xa, bãi ngang và một số khu tái định cư còn gặp nhiều khó khăn. Tệ nạn xã hội, quan liêu, tham nhũng, lãng phí chưa được đẩy lùi làm ảnh hưởng đến lòng tin của nhân dân. Công tác xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền, đổi mới hoạt động của mặt trận và các đoàn thể nhân dân còn nhiều mặt chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Những hạn chế, yếu kém trên có nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan, cần nhận mạnh các nguyên nhân chủ quan sau đây:

Một số nghị quyết của Trung ương, Tỉnh uỷ chưa được các cấp, các ngành nhận thức sâu sắc, toàn diện; việc cụ thể hoá vừa chậm vừa chưa sát với yêu cầu do thực tiễn đặt ra.

Đổi mới phương thức lãnh đạo, lề lối làm việc của các cấp uỷ, tổ chức đảng; cải cách hành chính của các cơ quan nhà nước chậm, thiếu kiên quyết, dẫn đến việc lãnh đạo, tổ chức thực hiện nghị quyết vẫn là khâu yếu. Biểu hiện rõ nhất là: trong lãnh đạo, quản lý điều hành chưa phát huy hết vai trò trách nhiệm, tính chủ động, sáng tạo, nhạy bén, nhất là đối với những vấn đề mới, những vấn đề nhạy cảm; chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước, mối quan hệ phối hợp của một số sở, ngành còn chồng chéo, chưa rõ ràng, đùn đẩy trách nhiệm lẫn nhau, hiệu lực quản lý chưa cao, hiệu quả thấp.

Nội dung và phương thức lãnh đạo, vận động quần chúng chậm được đổi mới; chưa khơi dậy, cổ vũ, động viên có hiệu quả tinh thần chủ động, sáng tạo và khắc phục tâm lý trông chờ ỷ lại trong quần chúng nhân dân.

Trình độ chuyên môn của một bộ phận cán bộ còn yếu; năng lực điều hành công việc chưa tương xứng với cương vị và trách nhiệm được giao. Tính kiên quyết, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm gắn với vai trò cá nhân của cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, nhất là người đứng đầu chưa được phát huy đúng mức. Tính tiên phong, gương mẫu, kỷ luật, kỷ cương của một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa cao.

Những bài học kinh nghiệm: Trải qua hoạt động thực tiễn trong thời kỳ đổi mới, Đảng bộ tỉnh đã rút ra nhiều bài học kinh nghiệm quý báu. Những bài học đó, đến nay vẫn giữ nguyên giá trị. Đại hội lần này, chúng ta bổ sung thêm ba bài học kinh nghiệm cụ thể sau:

Một là, giữ gìn sự đoàn kết thống nhất, phát huy vai trò trách nhiệm của tổ chức và cá nhân: phải thường xuyên chăm lo giữ gìn đoàn kết, thống nhất trong Đảng, trước hết trong Tỉnh uỷ, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ; phát huy đồng bộ vai trò của các tổ chức trong hệ thống chính trị gắn với vai trò, trách nhiệm cá nhân cán bộ lãnh đạo, quản lý, nhất là người đứng đầu; thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ, chống chủ nghĩa cá nhân, phê phán mạnh tư tưởng trông chờ, ỷ lại, đề cao kỷ luật, kỷ cương, gắn với tinh thần và thái độ dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm của từng cán bộ, công chức.

Hai là, đề ra chủ trương đúng, kịp thời chọn giải pháp hữu hiệu: phải căn cứ vào các nguồn lực hiện có, khả năng sẽ có và xu hướng phát triển của đất nước, của thời đại để xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp hữu hiệu, đặc biệt chọn những nhiệm vụ đột phá để từ đó tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện, tạo ra bước phát triển mạnh mẽ, làm đòn bẩy thúc đẩy sự phát triển toàn diện trên các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Ba là, tổ chức chỉ đạo thực hiện: ngay từ đầu nhiệm kỳ phải khẩn trương cụ thể hoá Nghị quyết Đại hội thành các nghị quyết chuyên đề của cấp uỷ và được thể chế hoá bằng các nghị quyết, quyết định, chỉ thị... của Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân, của mặt trận và các đoàn thể nhân dân, đặc biệt là phải ban hành đồng bộ các cơ chế chính sách gắn với đẩy mạnh công tác tuyên truyền tạo sự nhất trí cao trong Đảng bộ và sự đồng thuận trong toàn xã hội. Quá trình tổ chức chỉ đạo thực hiện phải bám vào nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm, thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, sơ kết, tổng kết, bổ sung những giải pháp nhằm khắc phục khiếm khuyết, uốn nắn những lệch lạc... bảo đảm cho nghị quyết của Đảng được thực thi trong cuộc sống.

Phần thứ hai

PHƯƠNG HƯỚNG MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU TRONG GIAI ĐOẠN 2006 – 2010.

Năm năm đến, tình hình thế giới và khu vực sẽ diễn ra như nhận định của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX, song tác động trực tiếp của tình hình trong nước và hoàn cảnh cụ thể của tỉnh nhà là có tính quyết định. Đảng và Nhà nước đã có các chủ trương sát đúng để phát triển vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, đẩy nhanh tốc độ phát triển Khu kinh tế Dung Quất, nhất là đã tiến hành xây dựng Nhà máy lọc dầu số 1 Dung Quất. Thành tựu 15 năm qua, cùng với niềm tin, sự mong mỏi và lòng quyết tâm cao của Đảng bộ, quân và dân trong tỉnh là cơ sở, tiền đề để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của tỉnh ta trong nhiệm kỳ tới.

Tuy nhiên, chúng ta phải tiếp tục đối mặt và vượt qua những khó khăn, thách thức do điều kiện tự nhiên không thuận lợi, sự tác động của thiên tai, chất lượng và tính bền vững của sự tăng trưởng kinh tế chưa cao; trong khi đó, nguồn lực mà trọng tâm là nguồn lực tài chính và đội ngũ cán bộ còn nhiều hẫng hụt, chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

A. PHƯƠNG HƯỚNG MỤC TIÊU TỔNG QUÁT VÀ CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU:

I. Phương hướng mục tiêu tổng quát:

Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng bộ, xây dựng chính quyền trong sạch vững mạnh, phát huy sức mạnh của hệ thống chính trị và khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Huy động mọi nguồn lực để đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, đưa tỉnh ra khỏi tình trạng kém phát triển, trở thành tỉnh có kinh tế - xã hội phát triển khá đạt mức trung bình so với cả nước, trong đó, công nghiệp có bước phát triển nhảy vọt, dịch vụ phát triển mạnh, nông nghiệp phát triển theo hướng hàng hoá đa dạng và chất lượng. Cùng với Trung ương đẩy mạnh xây dựng và phát triển Khu kinh tế Dung Quất, trọng tâm là hoàn thành

đúng tiến độ xây dựng Nhà máy lọc dầu. Giảm nhanh các hộ nghèo, khuyến khích làm giàu hợp pháp, phát triển văn hoá xã hội nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân. Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ môi trường, tăng cường quốc phòng - an ninh, giữ vững ổn định chính trị - xã hội.

II. Các chỉ tiêu chủ yếu:

1. Về kinh tế:

- Phân đầu đạt mức tăng trưởng GDP của tỉnh thời kỳ 2006 - 2010 từ 17 - 18%/năm. GDP/người năm 2010 đạt 950-1000 USD.
- Giá trị sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp tăng bình quân 4,5 - 5 %/năm
- Giá trị sản xuất công nghiệp - xây dựng tăng bình quân 32 - 33%/năm.
- Giá trị sản xuất dịch vụ tăng bình quân 13 - 14%/năm.
- Tỷ trọng các ngành kinh tế chủ yếu trong GDP đến năm 2010:
 - + Công nghiệp - xây dựng 62 - 63%.
 - + Dịch vụ 22 - 23%.
 - + Nông, lâm, ngư nghiệp 15 - 16%.
- Tỷ trọng cơ cấu lao động trong các ngành kinh tế chủ yếu đến năm 2010: công nghiệp 14,61%, dịch vụ 21,59% và nông nghiệp 63,8%.
- Sản lượng lương thực năm 2010 đạt 420.000 tấn.
- Sản lượng mía cây năm 2010 đạt 500.000 tấn.
- Sản lượng thủy sản năm 2010: 95.000 tấn.
- Kim ngạch xuất khẩu đến năm 2010: trên 100 triệu USD.
- Thu ngân sách đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước giao hằng năm.
- Vốn đầu tư toàn xã hội 5 năm đạt 68.000 – 70.000 tỷ đồng.
- Số thuê bao điện thoại bình quân/100 dân năm 2010 đạt 30 máy.
- Độ che phủ của rừng đến năm 2010 đạt 45%.

2. Về văn hoá - xã hội:

- Giảm tỷ suất sinh bình quân hàng năm xuống khoảng 0,4 - 0,5‰. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên năm 2010 là 1,02%.
- Đến năm 2010 có 80 - 85% hộ gia đình; 70 - 75 % thôn, tổ dân phố; 90 - 95% cơ quan đạt tiêu chuẩn văn hoá.
- Tạo việc làm, giải quyết thêm việc làm mỗi năm 33.000 lao động. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đến năm 2010 từ 28 - 30%.
- Giảm tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh xuống dưới 20% vào năm 2010 (theo chuẩn mới).
- Giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng xuống dưới 20% vào năm 2010.
- 100% trạm y tế có bác sĩ vào năm 2010.

- Đến năm 2007 hoàn thành phổ cập trung học cơ sở, phổ cập tiểu học đúng độ tuổi. Tiến hành phổ cập trung học phổ thông những nơi có điều kiện, riêng Thành phố Quảng Ngãi đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học phổ thông vào năm 2010. Xây dựng 10% trường mầm non, 50% trường tiểu học, 50% trường trung học cơ sở và trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia.

- Đến năm 2010 phủ sóng phát thanh và truyền hình toàn tỉnh.

- Hoàn thành xoá 17.000 nhà tạm cho hộ nghèo.

3. Về quốc phòng - an ninh:

- Bảo đảm 100% chỉ tiêu giao quân hàng năm.

- Xây dựng 85 - 90% xã, phường, thị trấn vững mạnh về quốc phòng - an ninh.

- Lực lượng dân quân tự vệ ổn định 2% so với dân số.

4. Về xây dựng Đảng:

- Tổ chức cơ sở đảng đạt trong sạch vững mạnh đạt 70%.

- Số đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ hàng năm đạt 70%.

- Bình quân mỗi năm kết nạp được từ 1400 - 1500 đảng viên.

B. NHIỆM VỤ CHỦ YẾU:

I. Tập trung phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

1. Phát triển công nghiệp với tốc độ nhanh đi đôi với nâng cao chất lượng và hiệu quả kinh tế là nhiệm vụ đột phá của tỉnh.

Tập trung thúc đẩy sự phát triển Khu kinh tế Dung Quất mà trọng tâm là xây dựng hoàn thành đúng tiến độ Nhà máy lọc dầu số 1 Dung Quất, Nhà máy đóng tàu... tạo động lực mạnh mẽ cho phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh.

Tiếp tục đầu tư phát triển khu công nghiệp Tịnh Phong và Quảng Phú; hình thành, phát triển Khu công nghiệp Phổ Phong, các cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp vừa và nhỏ ở các địa phương.

Đối với Khu kinh tế Dung Quất và các khu công nghiệp của tỉnh, chú trọng phát triển các ngành công nghiệp đáp ứng yêu cầu tiêu dùng trong nước và hướng mạnh vào xuất khẩu như: lọc hoá dầu và công nghiệp hoá chất; cơ khí luyện kim và đóng tàu biển; khai thác mỏ và vật liệu xây dựng; chế biến đường và sản phẩm sau đường; chế biến thủy, hải sản, súc sản; sản xuất hàng tiêu dùng; phát triển một số ngành công nghiệp phụ trợ phục vụ công nghiệp của tỉnh và Khu kinh tế Dung Quất.

Đối với các cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp ở các địa phương, tập trung phát triển các ngành nghề sử dụng tài nguyên, nguyên liệu và lao động tại chỗ như: sản xuất vật liệu xây dựng, da giày, may mặc, chế biến nông,

lâm, thuỷ sản; phục hồi và phát triển các mặt hàng thủ công mỹ nghệ truyền thống.

Coi trọng đổi mới công nghệ, nâng cao trình độ quản lý, tăng sức cạnh tranh của doanh nghiệp và sản phẩm công nghiệp, tạo được nhiều mặt hàng chủ lực có sức cạnh tranh cao đối với thị trường trong nước và tham gia xuất khẩu.

2. Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn, tạo bước chuyển về chất nền sản xuất nông nghiệp và kinh tế nông thôn theo hướng sản xuất hàng hoá, bền vững là nhiệm vụ rất quan trọng.

Phát triển, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông, lâm, ngư nghiệp theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, coi đây là nền tảng để bảo đảm nhu cầu lương thực, tạo nguồn nguyên liệu phục vụ công nghiệp chế biến, đẩy mạnh xoá đói giảm nghèo, cải thiện đời sống của nhân dân trong tỉnh.

Phấn đấu bình quân hàng năm giá trị sản xuất nông nghiệp tăng từ 4-4,5%; lâm nghiệp tăng 9,5%; thuỷ sản tăng 7,6%.

Tập trung nâng cao trình độ thâm canh và ứng dụng công nghệ cao trên một số lĩnh vực nhằm tăng năng suất và chất lượng cây trồng, vật nuôi. Bảo đảm nhu cầu lương thực trong tỉnh; hướng mạnh vào việc hình thành và nâng cao chất lượng các vùng nguyên liệu tập trung như mía, mì, điều ghép, quế và các loại cây khác phù hợp với điều kiện tự nhiên và nhu cầu của thị trường. Chú trọng phát triển các vùng cây rau quả, tạo vùng rau an toàn đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của xã hội.

Phát triển chăn nuôi theo hướng trở thành ngành sản xuất chính, đến năm 2010, tỷ trọng chăn nuôi đạt 32,4%. Tăng nhanh số lượng, gắn với nâng cao chất lượng đàn gia súc, gia cầm và tăng cường phòng chống dịch bệnh, đặc biệt là phòng, chống dịch cúm gia cầm (H5N1). Khuyến khích phát triển chăn nuôi tập trung với quy mô lớn. Phấn đấu đến năm 2010, đàn trâu đạt 46.000 con, bò 250.000 con (trong đó bò lai đạt 50-60%), lợn 650.000 con...

Phát triển các cụm công nghiệp, làng nghề và dịch vụ, thương mại ở nông thôn nhằm chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế nông thôn. Tiếp tục đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn, nhất là giao thông, thuỷ lợi, hệ thống điện, chợ, các thiết chế văn hoá... góp phần xây dựng nông thôn mới và thực hiện đô thị hoá nông thôn theo quy hoạch. Tổ chức sản xuất đa dạng, coi trọng và có chính sách hỗ trợ để kinh tế hợp tác phát triển, khuyến khích mở rộng kinh tế trang trại, phát huy vai trò tự chủ của kinh tế hộ trong sản xuất kinh doanh.

Điều chỉnh, bổ sung quy hoạch đất lâm nghiệp, xác định rõ diện tích, ranh giới các loại rừng, bảo đảm diện tích rừng phòng hộ, tăng diện tích rừng sản xuất, nhất là rừng nguyên liệu giấy. Tăng cường công tác quản lý rừng và đất lâm nghiệp, chấn chỉnh việc quản lý đất của các lâm trường, đẩy mạnh việc

giao đất, giao rừng cho dân, tăng nhanh diện tích rừng có chủ, hạn chế tối đa các vi phạm pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng, nhất là nạn phá rừng. Khuyến khích, bảo đảm cho người trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng có lợi ích thoả đáng và làm giàu từ nghề rừng. Phần đầu đến năm 2010 diện tích rừng trồng mới 58.000 ha, khoanh nuôi, tái sinh 8.000 ha, quản lý, bảo vệ rừng 143.000 ha.

Phát triển kinh tế thuỷ sản đồng bộ, bền vững, gắn kết giữa khai thác, nuôi trồng, chế biến và dịch vụ thuỷ sản. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng giá trị nuôi trồng và chế biến. Khai thác thuỷ sản đi đôi với bảo vệ nguồn lợi thuỷ sản, kết hợp bảo vệ chủ quyền lãnh hải Tổ quốc. Phát triển nuôi trồng thuỷ sản trên cơ sở quy hoạch hợp lý mặt nước, diện tích đất có khả năng nuôi trồng theo hướng công nghiệp, bền vững, phù hợp với nhu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu. Đến năm 2010, sản lượng khai thác 95.000 tấn, trong đó nuôi trồng 5.500 tấn (riêng sản lượng tôm nuôi là 4.200 tấn).

Tạo điều kiện thuận lợi cho các thành phần kinh tế đầu tư phát triển mạnh các cơ sở chế biến thuỷ sản, tăng nhanh sản phẩm xuất khẩu. Đẩy mạnh đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng thuỷ sản, trước hết là cảng cá Sa Huỳnh, vũng neo đậu tàu thuyền và dịch vụ nghề cá Lý Sơn, bến neo đậu tàu thuyền Tịnh Hoà, cảng cá Sa Cần, Sa Kỳ; chuẩn bị và triển khai đầu tư xây dựng cảng cá Mỹ Á, cửa Đại - Cổ Luỹ.

3. Phát triển nhanh và nâng cao chất lượng ngành thương mại, dịch vụ và du lịch.

Tập trung phát triển dịch vụ trên các lĩnh vực: du lịch, tài chính, ngân hàng, bưu chính, viễn thông, vận tải, kho bãi.... Khuyến khích phát triển các loại hình dịch vụ mới đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, nhất là sự phát triển của Khu kinh tế Dung Quất.

Đa dạng các loại hình du lịch, chú trọng phát triển du lịch sinh thái gắn với hệ thống di tích văn hoá, lịch sử; trước mắt, tập trung đầu tư và thu hút đầu tư để sớm khai thác có hiệu quả các khu du lịch trọng điểm: Mỹ Khê, Sa Huỳnh, Khe Hai, Vạn Tường, Cà Đam - Nước Trong. Tạo môi trường hấp dẫn thu hút khách du lịch bằng việc phát triển số lượng và chất lượng các cơ sở lưu trú, sản phẩm du lịch, dịch vụ phục vụ du lịch, hình thành các điểm, khu, tuyến du lịch của tỉnh trong mối liên kết với các tỉnh trong khu vực và cả nước.

Tăng cường xúc tiến thương mại, phát triển các loại thị trường, huy động các nguồn lực để đầu tư mở rộng mạng lưới chợ ở nông thôn, miền núi, gắn với hình thành các trung tâm dịch vụ thương mại ở các thị trấn; xây dựng một số siêu thị, trung tâm thương mại ở thành phố Quảng Ngãi, hình thành hệ thống dịch vụ thương mại đáp ứng nhu cầu giao lưu, trao đổi hàng hoá thông suốt

trên địa bàn tỉnh liên kết với các trung tâm thương mại lớn ở các tỉnh trong khu vực.

Tạo môi trường thuận lợi, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia phát triển nhanh các loại hình dịch vụ; tăng cường quản lý nhà nước về thương mại, cung ứng kịp thời, chủ động hàng hoá và mặt hàng thiết yếu cho đồng bào miền núi, vùng sâu, vùng xa và trong các tình huống thiên tai.

4. Cùng với Trung ương đẩy mạnh xây dựng và phát triển Khu kinh tế Dung Quất, coi đây là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của tỉnh.

Phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương đẩy nhanh việc xây dựng và phát triển Khu kinh tế Dung Quất trong mối liên kết chặt chẽ với các khu kinh tế và vùng kinh tế trọng điểm miền Trung. Tiếp tục hoàn thiện cơ sở vật chất kỹ thuật, văn hoá - xã hội trong Khu như: hệ thống giao thông, cảng biển, hạ tầng phân khu công nghiệp, trường học, trường đào tạo nghề, bệnh viện, trung tâm văn hoá thể thao.... Hoàn thành đúng tiến độ xây dựng Nhà máy lọc dầu số 1 Dung Quất, nhà máy đóng tàu giai đoạn I, tạo tiền đề xây dựng các nhà máy hoá dầu, cơ khí, luyện kim.... Thu hút đầu tư vào các phân khu công nghiệp, chú trọng công nghiệp chế biến, sản xuất hàng tiêu dùng và đầu tư phát triển các ngành dịch vụ.

Nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước của tỉnh và Ban quản lý Khu kinh tế Dung Quất, bảo đảm phối hợp đồng bộ, chặt chẽ, thực hiện có hiệu quả Quy chế hoạt động của Khu kinh tế Dung Quất đã được Chính phủ phê duyệt, tạo môi trường thông thoáng, lành mạnh để thu hút đầu tư, tạo bước chuyển đột phá về sự phát triển của Khu kinh tế.

Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp uỷ đảng trong việc xây dựng văn hoá lãnh đạo, quản lý, văn hoá ứng xử của cán bộ, đảng viên và nhân dân, tạo sự đồng thuận xã hội, ủng hộ cao nhất của nhân dân về sự phát triển Khu kinh tế Dung Quất.

Thực hiện tốt trách nhiệm của tỉnh trong việc cải cách thủ tục hành chính tạo thuận lợi tối đa cho các nhà đầu tư; đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng gắn liền với việc lập khu tái định cư, ổn định sản xuất và đời sống nhân dân; phát triển các dịch vụ phục vụ cho nhu cầu của Khu kinh tế Dung Quất và bảo đảm quốc phòng, an ninh. Coi trọng đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu về lao động và chuẩn bị đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý đáp ứng yêu cầu phát triển của Khu kinh tế Dung Quất và Thành phố Vạn Tường.

5. Đẩy mạnh kinh tế đối ngoại, tăng cường quản lý tài chính, tiền tệ, huy động, khai thác và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực tài chính để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

Thực hiện Đề án hội nhập kinh tế quốc tế, có chính sách ưu đãi đầu tư cho các lĩnh vực sản xuất hàng hoá xuất khẩu, tranh thủ các thời cơ, nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp và các sản phẩm trong tỉnh, tạo các nguồn hàng có chất lượng cao, hướng vào thị trường truyền thống và mở rộng thị trường mới để tăng nhanh kim ngạch xuất khẩu. Nhập khẩu có chọn lọc, phù hợp với xu thế phát triển.

Bằng nhiều hình thức huy động đa dạng các nguồn vốn, khắc phục triệt để tư tưởng ỷ lại vào nguồn vốn từ ngân sách nhà nước; chủ động có phương án, kế hoạch vay vốn để đầu tư phát triển.

Phấn đấu thực hiện vượt chỉ tiêu thu ngân sách do Nhà nước giao hằng năm; đến năm 2010, thu ngân sách nội địa đạt trên 1.500 tỷ đồng. Bảo đảm tính hiệu quả, minh bạch, công khai, dân chủ trong chi ngân sách, đáp ứng yêu cầu chi thường xuyên và ưu tiên chi để thúc đẩy mục tiêu tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

Phát triển thị trường tài chính, tạo điều kiện thuận lợi cho các ngân hàng và các tổ chức tín dụng huy động vốn, nâng cao năng lực và hiệu quả kinh doanh, đáp ứng nhu cầu vốn vay của các thành phần kinh tế. Phấn đấu nguồn vốn huy động tăng 25 - 30%/năm; tốc độ tăng trưởng tín dụng từ 20 - 25%, trong đó dư nợ trung hạn và dài hạn chiếm 37 - 42%.

6. Xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế-xã hội đồng bộ, từng bước hiện đại.

Chủ động thực hiện và tích cực phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương khẩn trương triển khai thực hiện các dự án xây dựng kết cấu hạ tầng theo Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2010.

Tập trung đầu tư xây dựng, nâng cấp kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là hạ tầng Khu kinh tế Dung Quất, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, hạ tầng đô thị và giao thông, thuỷ lợi, điện... ở nông thôn, miền núi và hải đảo. Ưu tiên các nguồn vốn cho các công trình trọng điểm, các vùng khó khăn và đặc biệt khó khăn của tỉnh. Phấn đấu trong nhiệm kỳ hoàn thành các công trình trọng điểm như: đường nối các huyện miền núi, đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh, đường Dung Quất - Trà Bồng - Trà My nối đường Hồ Chí Minh, đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi, Hồ chứa nước Nước Trong, Trường đại học Phạm Văn Đồng, Trường cao đẳng Kỹ nghệ tỉnh, Bệnh viện đa khoa tỉnh.

7. Phát triển kinh tế vùng nhằm phát huy thế mạnh và tạo sự liên kết, hỗ trợ giữa các vùng.

7.1- Tập trung phát triển vùng kinh tế động lực bao gồm các thành phố, thị xã, Khu kinh tế Dung Quất và các khu công nghiệp của tỉnh.

Phát triển các thành phố, thị xã, Khu kinh tế Dung Quất và các khu công nghiệp của tỉnh thật sự trở thành các trung tâm kinh tế - văn hoá, có đóng góp quyết định vào sự tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tăng thu ngân sách, giải quyết lao động, tạo động lực thúc đẩy các ngành, vùng kinh tế khác phát triển nhanh và bền vững.

Quy hoạch, đầu tư mở rộng thành phố Quảng Ngãi về phía Bắc sông Trà Khúc, phấn đấu đạt một số tiêu chí cơ bản để tiếp tục phát triển thành đô thị loại II. Cùng với quá trình phát triển của Khu kinh tế Dung Quất, triển khai việc hình thành thành phố Vạn Tường theo hướng thành phố công nghiệp, dịch vụ và du lịch hiện đại ở miền Trung. Đầu tư phát triển thị trấn Đức Phổ theo hướng trở thành thị xã trực thuộc tỉnh.

Cùng với phát triển Khu kinh tế Dung Quất, tập trung đầu tư các khu công nghiệp của tỉnh, ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp chế biến gắn với các vùng nguyên liệu và tài nguyên, khoáng sản ở địa phương nhằm giải quyết việc làm cho người lao động, thúc đẩy ngành nông nghiệp và dịch vụ phát triển.

7.2- Phát triển kinh tế vùng đồng bằng, ven biển và hải đảo theo hướng sản xuất hàng hoá, trọng tâm là hình thành các vùng cây, con nguyên liệu phục vụ công nghiệp chế biến.

Phát triển nông nghiệp toàn diện; chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ trên cơ sở hình thành và phát triển các cụm công nghiệp ở các địa phương.

Tập trung phát triển cây nguyên liệu mía, mì, điều ghép... và cây rau quả; đẩy mạnh phát triển chăn nuôi, trọng tâm là bò, lợn nhằm cung ứng nguyên liệu cho công nghiệp chế biến và thực phẩm cho các vùng khác; đồng thời, hình thành vành đai nông nghiệp phục vụ Khu kinh tế Dung Quất.

Phát triển kinh tế biển, lấy ngành thủy sản, du lịch làm chính. Đẩy mạnh đánh bắt xa bờ, nuôi trồng, chế biến thủy sản. Chú trọng khai thác cảng biển, phát triển công nghiệp đóng, sửa chữa tàu thuyền và dịch vụ nghề cá. Phát triển ngành muối phục vụ cho công nghiệp và tiêu dùng.

Xây dựng, mở rộng các thị trấn huyện lỵ đã có trở thành trung tâm kinh tế - xã hội của từng huyện có các ngành dịch vụ phát triển. Tiếp tục quy hoạch, phát triển thị trấn, đến năm 2010, hình thành thị trấn ở các huyện: Lý Sơn, Thạch Trụ - Mộ Đức, Sa Huỳnh - Đức Phổ và khu đô thị Dốc Sỏi - Bình Sơn.

7.3- Phát triển mạnh kinh tế - xã hội ở miền núi, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho đồng bào các dân tộc.

- Nhiệm vụ trọng tâm trong phát triển kinh tế - xã hội ở miền núi là xoá đói, giảm nghèo và nâng cao dân trí. Phấn đấu đến năm 2010, giảm tỷ lệ hộ

đói, nghèo còn dưới 35% theo chuẩn mới; hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập trung học cơ sở.

Chú trọng phát triển nông - lâm nghiệp trên cơ sở phát huy các lợi thế về đất đai, tài nguyên rừng. Đẩy mạnh công tác khuyến nông, khuyến lâm, phát triển kinh tế hộ, kinh tế trang trại. Tiếp tục khai hoang, mở rộng diện tích đất trồng lúa, ngô; khẩn trương giao đất, giao rừng để bảo vệ rừng và phát triển rừng kinh tế, nhất là rừng nguyên liệu; đẩy mạnh phát triển chăn nuôi, nhất là chăn nuôi đại gia súc.

Triển khai thực hiện tốt chính sách của Chính phủ về hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt cho đồng bào các dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn.

Đầu tư phát triển các thị trấn hiện có; hình thành các thị trấn ở huyện Minh Long, Sơn Tây, Tây Trà; củng cố và xây dựng các trung tâm cụm xã. Tăng cường đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là giao thông, thủy lợi, điện, thông tin liên lạc, phát thanh truyền hình, trường học, trạm xá, nước sinh hoạt, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân, hạn chế các tập tục lạc hậu, giữ vững ổn định chính trị - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh.

8. Quản lý, khai thác, sử dụng hợp lý và có hiệu quả các nguồn tài nguyên, gắn với bảo vệ môi trường bảo đảm cho kinh tế - xã hội phát triển nhanh, bền vững.

Tăng cường công tác quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường; giáo dục ý thức trách nhiệm cho mọi người dân, các nhà doanh nghiệp trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ bảo vệ tài nguyên và môi trường. Chú trọng giữ gìn môi trường đô thị, khu công nghiệp, nông thôn, ven biển. Tổ chức tốt việc trồng cây xanh, tăng nhanh tỷ lệ diện tích cây xanh ở đô thị, khu công nghiệp; thu gom, xử lý rác thải, chất thải rắn... Phấn đấu đến năm 2010, 100% đô thị và các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề được thu gom và có biện pháp xử lý nước thải, rác thải; 85% dân cư nông thôn được sử dụng nước sạch; tỷ lệ diện tích cây xanh ở thành phố Quảng Ngãi đạt 80%, ở các thị trấn và trung tâm huyện lỵ đạt 50% (theo quy hoạch chi tiết).

Phòng ngừa và hạn chế các tác động xấu đối với môi trường. Chú trọng việc sử dụng công nghệ sạch trong các ngành kinh tế - xã hội. Nắm chắc các nguồn tài nguyên thiên nhiên và có kế hoạch khai thác hợp lý, nhất là đối với nguồn tài nguyên khoáng sản, đất và nước; phục hồi các khu khai thác khoáng sản và các hệ sinh thái đã bị phá hủy. Có biện pháp phòng, chống nhiễm mặn ở vùng nuôi tôm trên cát. Tăng cường phủ xanh đất trống, đồi núi trọc.

Khẩn trương hoàn thành việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nhân dân, đặc biệt là giao đất, giao rừng và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất lâm nghiệp; đẩy nhanh tiến độ, nâng cao chất lượng lập quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất. Thực hiện việc dồn điền đổi thửa phù hợp, tạo thuận lợi cho phát triển kinh tế nông nghiệp theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

II. Phát triển văn hoá - xã hội để thực sự là nền tảng tinh thần trong cuộc sống của nhân dân, tạo động lực phát triển kinh tế.

1. Nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo; tiếp tục mở rộng quy mô và thực hiện xã hội hoá giáo dục.

Tăng cường quản lý giáo dục, trọng tâm là nâng cao chất lượng dạy và học; chú trọng rèn luyện đạo đức, giáo dục pháp luật cho học sinh. củng cố và duy trì kết quả phổ cập giáo dục tiểu học và chống tái mù chữ; hoàn thành phổ cập tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập THCS vào năm 2007; thực hiện phổ cập THPT ở những nơi có điều kiện. Khắc phục có hiệu quả bệnh thành tích, tình trạng dạy thêm học thêm sai quy định....

Đến năm 2010, các trường ở các cấp học, ngành học được bảo đảm thiết bị giáo dục tối thiểu đáp ứng yêu cầu giáo dục toàn diện cho học sinh. Tiếp tục xây dựng trường chuẩn quốc gia, đến năm 2010 có 10% trường mầm non, 50% trường tiểu học, 50% trường THCS và THPT đạt chuẩn quốc gia; phát triển nhà trẻ, mẫu giáo ở các thôn, tổ dân phố. Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên để đến năm 2010 có 100% giáo viên được chuẩn hoá. Chuẩn bị tốt các điều kiện để hoàn thành đổi mới chương trình giáo dục phổ thông vào năm 2009.

Mở rộng phù hợp quy mô các trường, ngành, cấp học. Sớm hoàn thành việc xây dựng giai đoạn I Trường đại học Phạm Văn Đồng, nâng cao chất lượng đào tạo, cơ sở vật chất các trường chuyên nghiệp; củng cố, mở rộng và hình thành mới các trường, trung tâm dạy nghề và tư vấn việc làm, nhằm đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Đa dạng hoá loại hình đào tạo. Đầu tư đúng mức hệ thống trường công, tạo điều kiện phát triển mạnh trường ngoài công lập.

Thực hiện công bằng xã hội về giáo dục và đẩy mạnh xã hội hoá giáo dục; tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ học sinh, sinh viên thuộc các gia đình chính sách, gia đình nghèo, vùng sâu, vùng xa.... Đẩy mạnh phong trào khuyến học, khuyến tài, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân lực, đào tạo nhân tài và triển khai thực hiện nghiêm túc quyết định của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2005-2010.

2. Phát triển khoa học và công nghệ tạo động lực cho phát triển kinh tế - xã hội.

Nhiệm vụ của khoa học và công nghệ phải nắm vững cơ sở lý luận, đi sâu nghiên cứu, tổng kết thực tiễn, cung cấp luận cứ khoa học cho việc ban

hành các chủ trương, chính sách, quy hoạch, kế hoạch và các dự án đầu tư phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh.

Đẩy mạnh nghiên cứu, tiếp nhận, chuyển giao và ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ trong quản lý, sản xuất kinh doanh sát với các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả, góp phần quan trọng thúc đẩy quá trình tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Phấn đấu đến năm 2010 có trên 60% số đề tài nghiên cứu được ứng dụng vào sản xuất và đời sống; khoảng 150 doanh nghiệp áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến, 150 sản phẩm và dịch vụ được cấp bằng bảo hộ độc quyền nhãn hiệu hàng hoá, kiểu dáng công nghiệp; 100% số huyện, thành phố ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác lãnh đạo, quản lý; 50% số xã, phường, thị trấn được hưởng thụ thông tin khoa học và công nghệ qua mạng Internet.

Xây dựng và phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ của tỉnh, trong đó chú trọng đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng có hiệu quả đội ngũ cán bộ; nâng cao trình độ quản lý nhà nước; tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật, tăng đầu tư và đa dạng hoá các nguồn vốn đầu tư. Đẩy mạnh quản lý về tiêu chuẩn đo lường chất lượng, nghiên cứu phát triển các đơn vị sự nghiệp về khoa học và công nghệ.

3. Nâng cao chất lượng hoạt động của ngành y tế, chú trọng công tác dân số kế hoạch hoá gia đình - trẻ em.

Đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, phương tiện kỹ thuật ở các cơ sở khám chữa bệnh nhằm nâng cao chất lượng khám chữa bệnh theo các tuyến, tạo sự công bằng cho người dân được hưởng các dịch vụ y tế cộng đồng và từng bước tiếp cận các dịch vụ y tế có chất lượng cao. Hạ thấp tỷ lệ mắc các bệnh xã hội, nâng cao thể lực, tăng tuổi thọ cho nhân dân. Giảm tỷ lệ mắc bệnh và tử vong do các bệnh như: sốt xuất huyết, sốt rét, tả, thương hàn; chủ động phòng, chống dịch bệnh nguy hiểm.... Phấn đấu trong giai đoạn 2006 - 2010 xây dựng hoàn thành Bệnh viện đa khoa tỉnh, Bệnh viện lao và bệnh phổi, Bệnh viện tâm thần, Bệnh viện Dung Quất, một số trung tâm y tế huyện và phòng khám đa khoa khu vực...; đẩy mạnh xã hội hoá lĩnh vực y tế, khuyến khích việc đầu tư phát triển các dịch vụ y tế ngoài công lập.

Chú trọng công tác quản lý nhà nước trên lĩnh vực y tế, nhất là vệ sinh an toàn thực phẩm, giá cả và chất lượng thuốc chữa bệnh, đồng thời khắc phục những mặt hạn chế khác, nhất là nâng cao trình độ chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp, tinh thần, thái độ phục vụ bệnh nhân của đội ngũ cán bộ y tế.

Tăng cường công tác truyền thông dân số và kế hoạch hoá gia đình, vận động mỗi cặp vợ chồng chỉ sinh từ một đến hai con, chú trọng chăm sóc sức khoẻ sinh sản. Nâng cao trách nhiệm của gia đình, cộng đồng và xã hội trong

chăm sóc, nuôi dưỡng và bảo vệ trẻ em, giảm mạnh tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng.

4. Chăm lo phát triển sự nghiệp văn hoá, thông tin, báo chí, phát thanh truyền hình, thể dục thể thao.

Nâng cao chất lượng các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thông tin, báo chí, phát thanh, truyền hình đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương, bảo đảm nhu cầu hưởng thụ văn hoá đa dạng ngày càng tăng của nhân dân.

Tập trung xây dựng môi trường văn hoá lành mạnh trong toàn xã hội, trước hết là xây dựng văn hóa trong hoạt động lãnh đạo của cấp uỷ, quản lý của chính quyền các cấp, trong hoạt động công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, trong sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp; tiếp tục xây dựng gia đình, thôn, tổ dân phố, xã, phường, thị trấn, cơ quan văn hoá.

Phát huy hiệu quả hoạt động của các thiết chế văn hoá hiện có, tiếp tục đầu tư xây dựng mới và trang bị phương tiện cho các thiết chế văn hoá, nhất là ở cấp huyện và cơ sở. Phấn đấu đến năm 2010, các huyện trong tỉnh đều có các thiết chế văn hoá như: trung tâm văn hoá thông tin, thư viện, nhà truyền thống, đội thông tin lưu động; chú ý xây dựng nhà sinh hoạt văn hoá ở các thôn, tổ dân phố.

Tiếp tục đầu tư tôn tạo, trùng tu các di tích lịch sử văn hoá, danh lam thắng cảnh tạo vẻ đẹp cảnh quan môi trường, đồng thời nâng cao hiệu quả quản lý nhằm phát huy các giá trị văn hoá vào nhiệm vụ giáo dục truyền thống, phát triển kinh tế du lịch....

Mở rộng phủ sóng phát thanh, truyền hình để đến năm 2010 phủ sóng trên địa bàn toàn tỉnh; tăng kỳ báo và số lượng phát hành tờ báo Quảng Ngãi; phát triển trang thông tin điện tử, nâng cao chất lượng báo chí đáp ứng nhu cầu tuyên truyền, giáo dục và thông tin cho nhân dân. Thông qua hoạt động của Hội nhà báo, Hội Văn học - Nghệ thuật, phát huy vai trò của đội ngũ phóng viên báo chí, văn nghệ sĩ nhằm sáng tạo các tác phẩm báo chí, văn hoá-nghệ thuật có giá trị tương xứng với truyền thống cách mạng và sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Đẩy mạnh xã hội hoá thể dục thể thao, đầu tư cơ sở vật chất, phát triển phong trào thể dục thể thao quần chúng; khôi phục và lựa chọn thêm một số môn thể thao mà tỉnh có thế mạnh để đầu tư phát triển nhằm đạt thành tích cao trong các giải quốc gia. Đến năm 2010, phấn đấu đạt 22% số người tập luyện thể dục thể thao thường xuyên, 18% số gia đình thể thao; tỉnh có đội bóng đá thi đấu giải hạng nhất quốc gia.

5. Giải quyết việc làm, nâng cao chất lượng xoá đói giảm nghèo, khuyến khích làm giàu hợp pháp và thực hiện tốt các chính sách xã hội.

Khai thác lợi thế Khu kinh tế Dung Quất, các khu công nghiệp của tỉnh, các cụm công nghiệp - làng nghề ở các huyện, thành phố và triển khai thực hiện lồng ghép, kết hợp các chương trình, dự án của Trung ương, của tỉnh ... để giải quyết việc làm và tạo thêm việc làm mới cho người lao động, đẩy mạnh xoá đói, giảm nghèo và làm giàu.

Thực hiện tốt chính sách đối với người có công với nước. Tiếp tục đẩy mạnh phong trào đền ơn đáp nghĩa, chăm sóc người có công, phần đầu 100% xã, phường, thị trấn được công nhận làm tốt chính sách thương binh, liệt sỹ và người có công; bảo đảm 100% gia đình chính sách có cuộc sống vật chất, tinh thần bằng hoặc cao hơn mức trung bình của dân nơi cư trú.

Quan tâm giúp đỡ các gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, trẻ em mồ côi, lang thang, người già neo đơn, nạn nhân chất độc màu da cam.... Triển khai thực hiện hoàn thành xoá nhà tạm cho hộ nghèo. Thực hiện tốt chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

III. Bảo đảm giữ vững quốc phòng - an ninh, nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ quan nội chính.

Thực hiện có hiệu quả các nghị quyết của Trung ương Đảng, Bộ Chính trị và Chính phủ về quốc phòng - an ninh. Tăng cường vai trò lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng, phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc và cả hệ thống chính trị nhằm xây dựng vững chắc nền quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân. Tăng cường công tác giáo dục quốc phòng toàn dân.

Xây dựng Quân đội nhân dân và Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, gắn bó mật thiết với nhân dân; lực lượng dự bị động viên và dân quân tự vệ đủ số lượng, bảo đảm chất lượng. Nâng cao khả năng sẵn sàng chiến đấu của các lực lượng vũ trang, chủ động ứng phó trong mọi tình huống, không để xảy ra bị động, đột xuất, bất ngờ. Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng - an ninh, việc kết hợp phải được quan tâm chỉ đạo ngay từ công tác quy hoạch, kế hoạch và hình thành các dự án.

Đảm bảo tuyệt đối an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, chủ động đấu tranh làm thất bại âm mưu “*diễn biến hoà bình*” của các thế lực thù địch; ngăn chặn kịp thời những yếu tố có thể phát sinh phức tạp, không để xảy ra “điểm nóng”. Tăng cường công tác đấu tranh phòng chống các loại tội phạm, nhất là tham nhũng, buôn lậu, gian lận thương mại và tội phạm ma tuý, tệ nạn mại dâm; thực hiện tốt phòng cháy, chữa cháy; ngăn ngừa có hiệu quả tai nạn giao thông. Tổ chức thực hiện công tác tìm kiếm, cứu nạn, cứu hộ, phòng chống thiên tai, thảm họa.

Tiếp tục tổ chức thực hiện nghiêm Nghị quyết 08 và Nghị quyết 49 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp và chiến lược cải cách tư pháp. Chú trọng nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các cơ quan nội chính, nhất là cấp huyện. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật và bổ trợ tư pháp; tập trung chỉ đạo thực hiện tốt công tác điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án dân sự, khắc phục cơ bản tình trạng án tồn đọng kéo dài. Đẩy mạnh thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật, chú trọng các lĩnh vực quản lý về đầu tư xây dựng, đất đai, ngân sách và quản lý doanh nghiệp, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm mọi vi phạm. Tăng cường giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân; thực hiện đồng bộ công tác đấu tranh phòng và chống tham nhũng trong bộ máy công quyền.

IV. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, xây dựng chính quyền trong sạch vững mạnh; đẩy mạnh công tác dân vận, mặt trận và các đoàn thể nhân dân.

1. Kiện toàn bộ máy và đội ngũ cán bộ chính quyền các cấp theo hướng tinh gọn, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu quản lý xã hội, phục vụ nhân dân.

Nâng cao chất lượng hoạt động của HĐND, các ban của HĐND và đại biểu HĐND các cấp, bảo đảm cho HĐND thực sự là cơ quan quyền lực của chính quyền ở địa phương. Đổi mới, nâng cao chất lượng các kỳ họp HĐND theo hướng dân chủ, công khai; chất vấn và trả lời chất vấn những vấn đề cử tri quan tâm; thể chế hoá các chủ trương của cấp uỷ và thẩm tra, giám sát đối với hoạt động của chính quyền; tập hợp, đôn đốc giải quyết có hiệu quả nguyện vọng chính đáng của cử tri.

Nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của UBND và các cơ quan chức năng của UBND các cấp. Rà soát, bổ sung, quy định rõ chức năng, nhiệm vụ của các sở, ngành trong việc tham mưu giúp UBND tỉnh về quản lý nhà nước, nhất là trong lĩnh vực xây dựng cơ bản và bảo vệ môi trường. Đẩy mạnh cải cách hành chính, trước hết là cải cách thủ tục hành chính, mở rộng phạm vi và thực hiện đúng thực chất cơ chế “một cửa”; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, thực hiện tốt cơ chế phối hợp theo chức năng, nhiệm vụ, kiên quyết khắc phục tình trạng chông chéo, đùn đẩy trách nhiệm của các cơ quan chuyên môn. Thực hiện đồng bộ các giải pháp phòng, chống tham nhũng trong bộ máy nhà nước, chống quan liêu, sách nhiễu, thiếu tinh thần trách nhiệm của cán bộ công chức.

Triển khai rộng rãi việc khoán biên chế và chi phí hành chính; thường xuyên rà soát, kiện toàn bộ máy và đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ chủ chốt; chú trọng điều chỉnh, bổ sung quy hoạch gắn với đào tạo, bồi dưỡng, quản lý, sử dụng cán bộ một cách hợp lý, hiệu quả.

2. *Đẩy mạnh công tác dân vận, đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động của mặt trận, các đoàn thể nhân dân và hội quần chúng.*

Các cấp uỷ đảng, chính quyền, mọi cán bộ, đảng viên phải coi công tác vận động quần chúng là của chính mình; mọi chủ trương của cấp uỷ, chính quyền phải xuất phát từ lợi ích của nhân dân; phải xây dựng và thực hành phong cách “*trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân và có trách nhiệm với dân*”, “*nghe dân nói, nói dân hiểu, làm dân tin*”. Các cấp uỷ phải chăm lo kiện toàn, củng cố về tổ chức và cán bộ dân vận, mặt trận, các đoàn thể nhân dân và hội quần chúng; thường xuyên lãnh đạo, chỉ đạo và động viên, cổ vũ phong trào hành động cách mạng của quần chúng. Chính quyền các cấp phải chủ động phối hợp, tạo thuận lợi về cơ sở vật chất và kinh phí để mặt trận, đoàn thể hoạt động.

Mặt trận, đoàn thể nhân dân phải tiếp tục đổi mới nội dung và phương thức hoạt động theo hướng sát cơ sở, nắm vững tâm tư, nguyện vọng của dân, động viên sức mạnh của quần chúng thực hiện các phong trào thi đua yêu nước; đồng thời, phát huy quyền làm chủ của nhân dân và vai trò của từng tổ chức trong việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, tham gia xây dựng Đảng, chính quyền, giám sát hoạt động của cấp uỷ, chính quyền cùng cấp, nhất là ở xã, phường, thị trấn và từng cơ quan, đơn vị cơ sở.

Hoạt động của mặt trận, đoàn thể phải gắn chặt các chương trình, các phong trào của các đoàn thể, hội Trung ương với chủ trương của cấp uỷ địa phương nhằm góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ và giải quyết những vấn đề cụ thể, thiết thực đối với đời sống của nhân dân.

Từng đoàn thể cần chú trọng đẩy mạnh các phong trào nhằm thực hiện tốt các nhiệm vụ như: đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 (khoá IX) về phát huy sức mạnh đoàn kết toàn dân tộc, về công tác dân tộc, công tác tôn giáo; nâng cao chất lượng cuộc vận động “*toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư*”; vận động thực hiện Đề án xoá nhà tạm cho các hộ nghèo; động viên sức dân xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn; chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, đời sống; hình thành và nhân rộng các mô hình tiên tiến trong lao động, học tập, sản xuất, công tác; thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, xoá đói giảm nghèo, vươn lên làm giàu.... Thông qua các phong trào này, tăng cường tập hợp đoàn viên, hội viên, củng cố tổ chức ngày càng vững mạnh.

V. Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng bộ, tiếp tục thực hiện cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khoá VIII.

1. *Tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giáo dục chính trị tư tưởng.*

Công tác giáo dục chính trị tư tưởng phải làm cho cán bộ, đảng viên và nhân dân trong tỉnh kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; làm cho đảng viên nêu cao tính tiên phong gương mẫu, tạo sự nhất trí trong Đảng bộ, phát huy được truyền thống cách mạng, ý chí tự lực, tự cường, tinh thần chủ động, sáng tạo trong công tác, học tập, lao động và sản xuất kinh doanh.

Tăng cường giáo dục Chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, chỉ thị, nghị quyết của Đảng và truyền thống cách mạng của Đảng bộ; chú trọng giáo dục đạo đức, lối sống theo gương Bác Hồ, triển khai rộng rãi nội dung xây và chống trong đội ngũ đảng viên và cán bộ, công chức, nhằm thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng - an ninh, đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí và âm mưu “*diễn biến hoà bình*” của các thế lực thù địch.

Đổi mới phương pháp quán triệt, học tập, tuyên truyền Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, nghị quyết, chỉ thị của Đảng; củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động của Trường chính trị tỉnh, các trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện, thành phố; nâng cao năng lực chuyên môn, trình độ lý luận chính trị và đạo đức cách mạng của đội ngũ cán bộ ban tuyên giáo các cấp, lực lượng báo cáo viên, tuyên truyền viên, đội ngũ văn nghệ sĩ, phóng viên các cơ quan báo chí trên địa bàn tỉnh, bảo đảm hiệu quả công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân.

2. Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ vững mạnh, ngang tầm với yêu cầu, nhiệm vụ trong thời kỳ mới.

Công tác cán bộ là nội dung trọng tâm của nhiệm vụ đột phá về phát triển nguồn nhân lực. Thực hiện nhất quán nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ, bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ và các quy trình trong công tác cán bộ. Triển khai toàn diện, đồng bộ, đi vào chiều sâu các nội dung của công tác cán bộ, trong đó chú trọng các khâu tuyển dụng, đánh giá, bố trí sử dụng, quy hoạch, đào tạo bồi dưỡng và luân chuyển cán bộ.

Rà soát, bổ sung quy chế đánh giá cán bộ cho phù hợp với yêu cầu công tác quản lý cán bộ trong tình hình mới. Thực hiện đánh giá cán bộ theo quy chế, lấy hiệu quả hoàn thành nhiệm vụ chính trị và uy tín của cán bộ trong quần chúng làm thước đo nhằm tạo bước chuyển rõ rệt trong đánh giá cán bộ.

Tiếp tục thực hiện quy hoạch cán bộ đạt yêu cầu “động” và “mở”, bảo đảm số lượng và chất lượng, tăng cán bộ trẻ, nữ và người dân tộc thiểu số, làm cơ sở cho việc bố trí, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, khắc phục tình trạng hẫng hụt đội ngũ cán bộ chủ chốt ở các cấp.

Xây dựng và thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ hằng năm và cả nhiệm kỳ, bảo đảm cho công tác này vừa đáp ứng yêu cầu trước mắt vừa bảo đảm tính chiến lược. Chú trọng đào tạo đội ngũ cán bộ đã được quy hoạch, nhất là đào tạo cán bộ có trình độ trên đại học và cao cấp chính trị; ưu tiên đào tạo cán bộ cho miền núi và cơ sở nhằm tri thức hoá đội ngũ cán bộ cấp xã, chuyên môn hoá cán bộ cấp huyện và đào tạo cán bộ có tầm chiến lược cấp tỉnh. Khuyến khích cán bộ tự học tập nâng cao trình độ, có chính sách động viên sinh viên tốt nghiệp đại học về công tác ở cơ sở. Phấn đấu đến năm 2010, cán bộ, công chức các cấp về cơ bản đạt tiêu chuẩn chức danh và tiêu chuẩn ngạch theo quy định; cán bộ lãnh đạo chủ chốt từ cấp huyện trở lên phải có bằng đại học chuyên ngành và bằng cao cấp lý luận chính trị; cán bộ, công chức là người dân tộc thiểu số ở các huyện miền núi: khối cơ quan hành chính đạt từ 30 - 35%, khối đảng, đoàn thể đạt từ 40 - 45%. Thực hiện đúng các quy định của Đảng, Nhà nước về tiêu chuẩn chức danh cán bộ, công chức khi xét tuyển dụng, bổ nhiệm và giới thiệu vào các cơ quan bầu cử. Thường xuyên và kịp thời bố trí, sắp xếp, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ, bảo đảm về số lượng và chất lượng, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị của các địa phương, đơn vị. Kiện toàn tổ chức, cán bộ, nâng cao hiệu quả, chất lượng công tác của các ban xây dựng đảng, ban chỉ đạo Trung ương 6 (lần 2) của các cấp uỷ, đủ sức tham mưu giúp cấp uỷ lãnh đạo, chỉ đạo và thực hiện hiệu quả cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, chống tham nhũng, lãng phí.

Tiếp tục thực hiện luân chuyển cán bộ theo tinh thần Nghị quyết 11 của Bộ Chính trị (khoá IX) gắn với công tác quy hoạch, đào tạo, sắp xếp, bố trí, điều động cán bộ. Tăng cường cán bộ cho các huyện miền núi và những nơi cần thiết.

Chú trọng công tác bảo vệ chính trị nội bộ, bảo đảm cho nội bộ đảng đoàn kết, thống nhất, nói và làm theo nghị quyết và giữ gìn bí mật của Đảng; chú trọng thực hiện đúng các quy định của Đảng về tiêu chuẩn chính trị của cán bộ, đảng viên, nhất là quan hệ chính trị hiện nay. Ngoài triển khai thực hiện các chính sách, chế độ đối với cán bộ theo quy định của Trung ương, cần cụ thể hoá một số cơ chế, chính sách của tỉnh đáp ứng yêu cầu xây dựng, phát triển đội ngũ cán bộ trong thời kỳ mới.

3. Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ đảng viên.

Thực hiện quy định của Ban Bí thư về vai trò, chức năng, nhiệm vụ của các loại hình tổ chức cơ sở đảng. Coi trọng đổi mới, nâng cao năng lực lãnh đạo của các chi bộ, đảng bộ xã, phường, thị trấn đối với nhiệm vụ phát triển kinh tế, trọng tâm là chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Xây dựng và phát triển các tổ chức đảng trong các doanh nghiệp. Thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở; các giải pháp

phát huy quyền giám sát của quần chúng đối với tổ chức đảng, đảng viên; thực hiện quy chế dân chủ trong Đảng. Đánh giá đúng thực chất chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên, không chạy theo thành tích. Tích cực tạo nguồn phát triển đảng viên, bảo đảm số lượng và chất lượng, trẻ hoá đội ngũ đảng viên.

4. Tăng cường công tác kiểm tra và thi hành kỷ luật trong Đảng của cấp uỷ và Uỷ ban kiểm tra các cấp, giữ nghiêm kỷ luật và kỷ cương của Đảng.

Các cấp uỷ phải thường xuyên lãnh đạo, chỉ đạo và thực hiện công tác kiểm tra. Hằng năm, có chương trình, kế hoạch nhằm tiến hành kiểm tra các cấp uỷ, tổ chức đảng và đảng viên chấp hành Điều lệ Đảng, chỉ thị, nghị quyết, quy định, quy chế của Đảng. Uỷ ban kiểm tra các cấp phải thực hiện toàn diện nhiệm vụ công tác kiểm tra do Điều lệ Đảng quy định, đồng thời thực hiện tốt chức năng tham mưu cho cấp uỷ và thực hiện nhiệm vụ do cấp uỷ giao. Chú trọng các hình thức kiểm tra nhằm phát huy ưu điểm, ngăn ngừa sai phạm; đồng thời xử lý nghiêm minh các tổ chức và cá nhân vi phạm kỷ luật của Đảng.

5. Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo và phong cách, lề lối làm việc của các cấp uỷ đảng.

Thực hiện nghiêm chế độ làm việc theo quy chế. Cụ thể hoá kịp thời Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành nghị quyết, chỉ thị, chương trình của cấp uỷ; chỉ đạo các cấp uỷ, tổ chức đảng trực thuộc đề ra chương trình hành động, Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân thể chế hoá thành các văn bản pháp quy để tổ chức thực hiện.

Lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện các mặt công tác, đồng thời tập trung cho các nhiệm vụ trọng tâm, các khâu đột phá, chú trọng việc chỉ đạo điểm, nhân điển hình tiên tiến, thường xuyên kiểm tra đôn đốc, sơ kết, kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc nảy sinh trong quá trình triển khai thực hiện, bảo đảm cho các quyết định lãnh đạo mang lại hiệu quả thiết thực.

Xác định rõ mối quan hệ làm việc giữa cấp uỷ với các tổ chức khác trong hệ thống chính trị, bảo đảm phát huy vai trò lãnh đạo của cấp uỷ, đồng thời phát huy tính chủ động, sáng tạo của các tổ chức và trách nhiệm cá nhân người đứng đầu trong việc đề xuất và tổ chức thực hiện các chủ trương của cấp uỷ.

Đổi mới việc ra nghị quyết và triển khai thực hiện nghị quyết. Thực hiện chế độ làm việc theo chương trình kế hoạch, phân công, phân nhiệm rõ ràng; bảo đảm cho các cấp uỷ viên, cán bộ lãnh đạo phải thường xuyên bám sát cơ sở, nắm chắc tình hình, tổ chức chỉ đạo thực hiện có hiệu quả chủ trương của cấp uỷ tại địa phương, đơn vị phụ trách.

C. THỰC HIỆN ĐỒNG BỘ CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU:

Để thực hiện thắng lợi phương hướng mục tiêu, các chỉ tiêu và nhiệm vụ nêu trên cần nắm vững và thực hiện đồng bộ các giải pháp chủ yếu sau đây:

1. Triển khai thực hiện có hiệu quả 2 nhiệm vụ đột phá và 8 chương trình trọng điểm.

Tập trung ưu tiên mọi nguồn lực để thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ đột phá: một là, **phát triển công nghiệp**; hai là, **phát triển nguồn nhân lực**, đồng thời, thực hiện 08 chương trình trọng điểm, gồm: phát triển Khu kinh tế Dung Quất và các ngành nghề phục vụ khu kinh tế này; phát triển toàn diện ngành thủy sản; phát triển vùng nguyên liệu cho công nghiệp chế biến; phát triển kết cấu hạ tầng; phát triển dịch vụ, du lịch; xúc tiến đầu tư và thị trường; đổi mới và phát triển doanh nghiệp; xóa đói, giảm nghèo và xóa nhà tạm cho hộ nghèo, nhằm tạo động lực để thực hiện hoàn thành mục tiêu tổng quát, các chỉ tiêu và nhiệm vụ chủ yếu đã được xác định.

2. Xây dựng, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch.

Lấy Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đến năm 2010 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt làm căn cứ xây dựng, điều chỉnh, bổ sung hợp lý các quy hoạch ngành, vùng kinh tế, các huyện, thành phố và xác lập kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm. Triển khai lập quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và quy hoạch mở rộng phát triển Khu kinh tế Dung Quất đến năm 2020 phù hợp với điều kiện cụ thể của tỉnh, xu hướng phát triển của vùng kinh tế trọng điểm miền Trung và cả nước. Quản lý và tổ chức thực hiện đúng các quy hoạch đã được phê duyệt, bảo đảm cho nền kinh tế - xã hội của tỉnh phát triển đồng bộ, có hiệu quả.

3. Hoàn thiện cơ chế, chính sách đi đôi với đẩy mạnh cải cách hành chính, tạo thuận lợi cho các thành phần kinh tế phát triển.

Tiếp tục rà soát, điều chỉnh, bổ sung đồng bộ các cơ chế chính sách phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, đẩy mạnh cải cách hành chính, đồng thời coi trọng khâu tổ chức thực hiện, đưa chính sách vào cuộc sống, tạo môi trường thuận lợi, thông thoáng và tin cậy để thu hút các nhà đầu tư, khuyến khích các thành phần kinh tế phát triển sản xuất kinh doanh. Chú trọng nâng hiệu quả của kinh tế nhà nước, kinh tế hợp tác để bảo đảm giữ vai trò chủ đạo, thúc đẩy phát triển các thành phần kinh tế khác, nhất là kinh tế tư nhân; đẩy mạnh phát triển các loại hình doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp đa sở hữu.

4. Tăng cường xúc tiến đầu tư, huy động các nguồn lực; phát triển đồng bộ các loại thị trường.

- Tăng cường công tác xúc tiến, kêu gọi đầu tư; động viên mọi nguồn lực trong và ngoài tỉnh, nhất là về vốn để đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, trong đó ưu tiên đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - kỹ thuật, tạo cơ sở phát huy mọi năng lực sản xuất của các thành phần kinh tế. Đặc biệt tranh thủ và tạo mọi thuận lợi tối đa có thể để các tổng công ty, các doanh nghiệp lớn trong

nước và nước ngoài đầu tư vào Khu kinh tế Dung Quất, các khu công nghiệp của tỉnh.

- Phát triển đồng bộ các loại thị trường, đặc biệt là thị trường tài chính, tín dụng, thị trường bất động sản. Gắn kết chặt chẽ thị trường trong tỉnh, mở rộng thị trường trong nước và chủ động hội nhập thị trường thế giới. Kết hợp chặt chẽ vai trò định hướng, giúp đỡ của các cơ quan quản lý nhà nước với phát huy vai trò chủ động của các doanh nghiệp và hộ sản xuất trong việc nắm bắt thông tin thị trường nhằm chủ động điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh và tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm.

5. Phát huy vai trò động lực của giáo dục - đào tạo, khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

- Tăng cường đầu tư phát triển mạnh giáo dục - đào tạo nhằm phát triển nguồn nhân lực phục vụ cho yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Cùng với ngân sách nhà nước, khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư xây dựng cơ sở vật chất cho các ngành học, cấp học. Nâng cao năng lực quản lý nhà nước về giáo dục, nhất là quản lý chất lượng dạy học của đội ngũ giáo viên, khắc phục có hiệu quả những mặt còn yếu kém, bảo đảm nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo. Bố trí kinh phí thoả đáng, lựa chọn cán bộ trẻ có triển vọng phát triển, học sinh giỏi ở các trường trung học phổ thông để đào tạo hình thành đội ngũ cán bộ chiến lược của tỉnh. Dự báo nhu cầu lao động trong và ngoài tỉnh để xác lập quy mô, hình thức và nội dung đào tạo phù hợp gắn với đẩy mạnh phát triển các dịch vụ tư vấn giải quyết việc làm nhằm sử dụng có hiệu quả nguồn lao động đã được đào tạo.

- Tạo sự liên kết chặt chẽ giữa nhà nước, nhà khoa học, các doanh nghiệp và hộ sản xuất trong việc nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng khoa học và công nghệ vào tất cả các lĩnh vực sản xuất, đời sống và hoạt động lãnh đạo, quản lý. Có cơ chế chính sách tôn vinh những cán bộ, đội ngũ trí thức, khoa học, văn nghệ sĩ... có những công trình khoa học đóng góp lớn vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư, ứng dụng công nghệ mới, nhất là hệ thống quản lý tiên tiến, công nghệ sinh học, công nghệ thông tin... vào quản lý, sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, nhằm nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm hàng hoá.

6. Tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí là giải pháp quan trọng để xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, tăng niềm tin của quần chúng, giữ vững ổn định chính trị - xã hội.

Các cấp uỷ đảng phải tăng cường lãnh đạo công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, cần tập trung thực hiện đồng bộ các biện pháp sau:

Thường xuyên giáo dục cho cán bộ, đảng viên nhận thức và thực hiện đúng pháp luật, quy định, quy chế có liên quan đến chống tham nhũng, lãng phí; thực hiện tự phê bình và phê bình, đấu tranh mạnh mẽ nhằm ngăn ngừa, phát hiện và chống tham nhũng.

Chỉ đạo xây dựng các cơ chế quản lý nhằm phòng chống tham nhũng, lãng phí, trước hết trong một số lĩnh vực trọng điểm như: quản lý đất đai, đầu tư xây dựng cơ bản, doanh nghiệp nhà nước, ngân sách nhà nước và tài sản công. Xây dựng quy chế phối hợp hành động chống tham nhũng, lãng phí giữa uỷ ban kiểm tra cấp uỷ, Ban chỉ đạo Trung ương 6 (lần 2), thanh tra nhà nước và các cơ quan tư pháp.

Nghiêm túc thực hiện quy định về công khai tài sản của cán bộ, công chức; quy chế dân chủ ở cơ sở; quy chế giám sát của mặt trận và các đoàn thể nhân dân; quy định những điều đảng viên không được làm. Phát huy vai trò của quần chúng và các cơ quan báo chí trong việc phát hiện và tố giác các hành vi tham nhũng, lãng phí, đồng thời bảo vệ người phát hiện và đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí.

Kiểm tra, thanh tra, điều tra, xử lý nghiêm minh, công khai, kịp thời các vụ việc tham nhũng, lãng phí, kê cả trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị nơi xảy ra tham nhũng gây hậu quả nghiêm trọng.

7. Phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Tuyên truyền, động viên, cổ vũ toàn Đảng bộ, quân và dân trong tỉnh phát huy truyền thống cách mạng, ý chí tự lực, tự cường, cần cù, sáng tạo, đoàn kết, thống nhất, tranh thủ thời cơ, vượt qua thách thức, không cam chịu nghèo nàn, tụt hậu; kêu gọi và phát huy tình yêu quê hương của mọi người dân Quảng Ngãi đang làm việc, sinh sống ngoài tỉnh cùng tham gia đóng góp trí tuệ, tinh thần, vật lực hỗ trợ nhân dân trong tỉnh phấn đấu đưa tỉnh ta ra khỏi tình trạng kém phát triển, đạt trình độ phát triển khá trong khu vực, cùng với cả nước thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong đời sống chính trị của nhân dân trong tỉnh; là **Đại hội của đoàn kết, dân chủ, trí tuệ, đổi mới và phát triển**. Chúng ta tin tưởng rằng, nhất định Đảng bộ, quân và dân trong tỉnh sẽ thực hiện thắng lợi phương hướng mục tiêu, các chỉ tiêu và nhiệm vụ mà Đại hội đã đề ra, tạo được sự bứt phá để đưa tỉnh ta phát triển lên một bước mới quan trọng, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng lên, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội X của Đảng.